



BÙI MẠNH HÙNG (Chủ biên)
NGUYỄN LINH CHI – NGUYỄN THỊ NGÂN HOA – NGUYỄN THỊ MAI LIÊN
LÊ TRÀ MY – LÊ THỊ MINH NGUYỆT
NGUYỄN THỊ NƯƠNG – NGUYỄN THỊ HẢI PHƯƠNG

Bài tập NGỮ VĂN

6

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Chủ biên)
NGUYỄN LINH CHI – NGUYỄN THỊ NGÂN HOA – NGUYỄN THỊ MAI LIÊN
LÊ TRÀ MY – LÊ THỊ MINH NGUYỆT – NGUYỄN THỊ NƯƠNG
NGUYỄN THỊ HẢI PHƯƠNG

Bài tập NGỮ VĂN 6

KẾT NỐI TRI THỨC
TẬP MỘT
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu	3
Phần một: Bài tập.....	4
Bài 1. Tôi và các bạn.....	4
Bài 2. Gõ cửa trái tim.....	12
Bài 3. Yêu thương và chia sẻ.....	17
Đọc mở rộng.....	24
Bài 4. Quê hương yêu dấu.....	25
Bài 5. Những nẻo đường xứ sở.....	30
Đọc mở rộng.....	35
Ôn tập học kì I.....	36
Phần hai: Gợi ý làm bài.....	39
Bài 1. Tôi và các bạn.....	39
Bài 2. Gõ cửa trái tim.....	47
Bài 3. Yêu thương và chia sẻ.....	55
Đọc mở rộng.....	61
Bài 4. Quê hương yêu dấu.....	64
Bài 5. Những nẻo đường xứ sở.....	71
Đọc mở rộng.....	77
Ôn tập học kì I.....	78

LỜI NÓI ĐẦU

Bài tập Ngữ văn 6 (bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*) được biên soạn theo hướng bám sát các yêu cầu cần đạt của sách giáo khoa (SGK). Sách gồm hai tập, mỗi tập có hai phần, phần một: *Bài tập*, phần hai: *Gợi ý làm bài*.

Phần một gồm các bài tập ngắn và đa dạng, học sinh (HS) có thể hoàn thành nhanh và cảm thấy hứng thú với những bài tập này. Sách dùng khoảng 50% ngữ liệu lấy từ SGK và khoảng 50% ngữ liệu mới, thường là đoạn trích hoặc văn bản ngắn. Hướng sử dụng ngữ liệu này nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới đánh giá năng lực của người học, tránh được tình trạng hoàn thành bài tập chỉ nhờ ghi nhớ máy móc.

Dưới mỗi văn bản hoặc đoạn trích có một số câu hỏi (thuộc ba cấp độ: nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng) kiểm tra khả năng đọc hiểu nội dung, đặc điểm thể loại hay loại VB và khả năng vận dụng kiến thức tiếng Việt của HS. Với ngữ liệu là văn bản 1, văn bản 2, văn bản 3 trong SGK hoặc đoạn trích từ những văn bản này thì các câu hỏi đọc hiểu trong sách sẽ tập trung khai thác các khía cạnh nội dung và nghệ thuật mà SGK chưa khai thác. Vì vậy, HS vẫn cần phải tự đọc văn bản để trả lời câu hỏi. Với văn bản *Thực hành đọc*, sách có hệ thống câu hỏi đọc hiểu giúp HS tự đánh giá kết quả đọc của mình để hoàn thành nhiệm vụ thực hành đọc. Sách cũng thiết kế một số đề luyện viết thuộc các kiểu bài HS đã được thực hành trong SGK, nhưng chỉ yêu cầu viết đoạn với những nội dung phong phú nhằm tạo thêm cơ hội cho HS được luyện tập và phát triển kĩ năng viết. Ngoài ra, HS cũng có cơ hội thực hành nói và nghe. Các bài tập được thiết kế căn cứ vào yêu cầu cần đạt về nói và nghe của mỗi bài trong SGK. HS cần chuẩn bị nội dung cụ thể để nói; sách có một số gợi ý, hướng dẫn để HS thực hành. HS có thể thực hành nói ở nhà hoặc ở lớp; HS cũng có cơ hội rèn luyện kĩ năng nghe và trao đổi, thảo luận sau khi nói.

Phần hai của sách là *Gợi ý làm bài*. Với những câu hỏi tự luận, sách không đưa đáp án có sẵn, nhưng có gợi ý đủ rõ giúp HS có thể kiểm tra kết quả làm bài của mình; phần nào HS không tự làm được thì có thể dựa vào gợi ý để hoàn thành. Nhờ đó, HS có thể sử dụng sách này để tự học và tự đánh giá kết quả học tập của bản thân.

Bài tập Ngữ văn 6 (bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*) không chỉ là tài liệu giúp HS phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe mà còn là công cụ hỗ trợ cho GV trong việc thiết kế các bài tập hoặc đề kiểm tra, đánh giá theo định hướng mới. Hi vọng bộ sách sẽ là tài liệu hữu ích đối với các thầy cô và các em HS.

Thay mặt nhóm tác giả

Chủ biên

Bùi Mạnh Hùng

Bài 1 TÔI VÀ CÁC BẠN

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1. Đọc lại văn bản Bài học đường đời đầu tiên trong SGK (tr. 12 – 18) và trả lời các câu hỏi:

1. Nhân vật trong truyện là những loài vật nào?
2. Tìm một số chi tiết Đế Mèn miêu tả, nhận xét về bản thân và Đế Choắt. Từ các chi tiết đó, em hãy khái quát về đặc điểm của nhân vật Đế Mèn.
3. Tóm tắt “câu chuyện ân hận đầu tiên” mà Đế Mèn “ghi nhớ suốt đời”.
4. Em hãy đóng vai Đế Mèn, viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về bài học đường đời đầu tiên mà nhân vật này đã rút ra được cho mình.

Bài tập 2. Đọc lại văn bản Bài học đường đời đầu tiên (từ Tôi đi đứng oai vệ đến sắp đứng đầu thiên hạ rồi) trong SGK (tr. 13 – 14) và trả lời các câu hỏi:

1. Người kể chuyện trong đoạn trích là ai? Kể theo ngôi thứ mấy?
2. Liệt kê những hành động của nhân vật “tôi” trong đoạn trích. Những hành động ấy thể hiện đặc điểm gì ở nhân vật “tôi”?
3. Nhân vật “tôi” có cảm thấy tự hào khi kể lại những hành động của mình không?
4. Nêu nhận xét, đánh giá của em về nhân vật “tôi”. Em thích hoặc không thích điều gì ở nhân vật này? Vì sao?
5. Tìm từ láy trong các câu văn sau và đặt câu với mỗi từ láy đó:
 - a. *Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu.*
 - b. *Bởi vì quanh quẩn, ai cũng quen thuộc mình cả.*
 - c. *Nhưng tôi lại tưởng thế là không ai dám ho he.*
6. Em hãy kẻ bảng vào vở (theo mẫu dưới đây) và điền các từ in đậm trong đoạn văn sau vào cột phù hợp:

*Tôi đã quát mấy chị Cào Cào ngụ ngoài đầu bờ, khiến mỗi lần thấy tôi đi qua, các chị phải núp **khôn mặt** trái xoan dưới **nhánh cỏ**, chỉ dám đưa mắt lên nhìn trộm.*

Thỉnh thoảng, tôi ngửa chân đá một cái, ghẹo anh Gọng Vó **lắm láp** vừa ngơ ngác dưới đầm lên. Tôi càng tưởng tôi là tay **ghê gớm**, có thể sắp **đứng đầu** thiên hạ rồi.

Từ ghép	Từ láy

Bài tập 3. Đọc lại văn bản Bài học đường đời đầu tiên (từ Tôi chui tọt ngay vào hang đến mon men bò lên) trong SGK (tr. 17 – 18) và trả lời các câu hỏi:

1. Câu văn nào là lời độc thoại của nhân vật “tôi”?
2. Nhân vật “tôi” đã làm gì khi chị Cốc lao vào ổ Dế Choắt? Hành động đó thể hiện đặc điểm nào của nhân vật?
3. Khi kể lại sự việc trong đoạn trích, nhân vật “tôi” đã có suy nghĩ và thái độ đánh giá như thế nào về bản thân?
4. Theo em, nhân vật “tôi” đã học hỏi được điều gì từ trải nghiệm của bản thân? Bài học ấy có ý nghĩa với em không? Vì sao?
5. Tìm và giải thích nghĩa của những từ láy trong các câu sau:
 - a. Đó là: không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt đang loay hoay trong cửa hang.
 - b. Biết chị Cốc đi rồi, tôi mới mon men bò lên.
6. Tìm một câu văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong đoạn trích và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Bài tập 4. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Mấy hôm sau, về tới quê nhà.

Cái hang bỏ hoang của tôi, cỏ và rêu xanh đã kín lối vào. Nhưng đằng cuối bãi, mẹ tôi vẫn mạnh khỏe. Hai mẹ con gặp nhau, mừng quá, cứ vừa khóc vừa cười.

Tôi kể lại từ đầu chí cuối những ngày qua trong may rủi và thử thách mà bấy lâu tôi trải. Bắt đầu từ chuyện anh Dế Choắt khốn khổ bên hàng xóm.

Nghे xong, mẹ tôi ôm tôi vào lòng, y như người ôm ẵm khi mới sinh tôi và bảo rằng:

– Con ơi, mẹ mừng cho con đã qua nhiều nỗi hiểm nguy mà trở về. Nhưng mẹ mừng nhất là con đã rèn được tấm lòng chín chắn thật đáng làm trai. Bây giờ con muốn ở nhà mấy ngày với mẹ, rồi con đi du lịch xa mẹ cũng bằng lòng, mẹ không áy náy gì về con đâu. Thế là con của mẹ đã lớn rồi. Con đã khôn lớn rồi. Mẹ chẳng phải lo gì nữa.

Mẹ tôi nói thế rồi chan hoà hàng nước mắt sung sướng và cảm động. Tôi nhìn ra cửa hang, nơi mới ngày nào còn trúng nước ở đây và cũng cảm thấy nay mình khôn lớn.

Tôi ở lại với mẹ:

– Mẹ kính yêu của con! Không bao giờ con quên được lời mẹ. Rồi mai đây con lên đường, con sẽ hết sức **tu tình** được như mẹ mong ước cho con của mẹ.

(Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*, NXB Văn học, Hà Nội, 2006, tr. 41)

1. Đoạn trích được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy? Em căn cứ vào yếu tố nào để xác định ngôi kể?
2. Đoạn trích trên nằm ở vị trí trước hay sau đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên*? Những chi tiết nào giúp em nhận biết được điều đó?
3. Lời nói của mẹ Dế Mèn thể hiện những cảm xúc gì sau khi nghe con kể lại những thử thách đã trải qua?
4. Điều gì khiến mẹ Dế Mèn thấy con đã khôn lớn và không còn phải lo lắng về con nữa?
5. Nêu cảm nhận về nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích trên. Em hãy so sánh với Dế Mèn trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* và cho biết sự khác biệt lớn nhất ở Dế Mèn trong hai đoạn trích này là gì.
6. Kẻ bảng vào vở (theo mẫu) và điền các từ in đậm trong đoạn trích sau vào ô phù hợp:

Nhưng đằng cuối bãi, **mẹ** tôi vẫn **manh khoẻ**. Hai mẹ con gặp nhau, **mừng** quá, cứ vừa **khóc** vừa **cười**.

Tôi kể lại từ đầu chí cuối những ngày qua trong **may rủi** và **thử thách** mà bấy lâu tôi trải. Bắt đầu từ **chuyện** anh Dế Choắt **khốn khổ** bên **hàng xóm**.

TỪ ĐƠN	TỪ PHỨC	
	TỪ GHÉP	TỪ LÁY

7. Giải thích nghĩa của các từ in đậm trong những câu sau:
 - a. Tôi nhìn ra cửa hang, nơi mới ngày nào còn **trúng nước** ở đây và cũng cảm thấy nay mình khôn lớn.
 - b. Rồi mai đây con lên đường, con sẽ hết sức **tu tình** được như mẹ mong ước cho con của mẹ.

Bài tập 5. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Rồi sau khi đã rẽ chân lội bộ xuyên qua bao nhiêu là cát, đá và tuyết, cuối cùng hoàng tử bé cũng tìm thấy một con đường. Và mọi con đường đều dẫn về chỗ con người.

– Xin chào! – Cậu nói.

Đó là một khu vườn nở đầy hoa hồng.

– Xin chào! – Các bông hoa nói.

Hoàng tử bé nhìn chúng. Trông chúng rất giống với bông hoa của cậu.

– Các bạn là ai? – Cậu ngỡ ngác hỏi chúng.

– Chúng tôi là hoa hồng – các bông hoa trả lời.

– A! – Hoàng tử bé thốt lên...

Và cậu cảm thấy buồn bã. Bông hoa của cậu đã nói rằng nó chỉ có duy nhất trong vũ trụ. Giờ trước mặt cậu là năm ngàn bông hoa như nó, rất giống nhau, chỉ trong một khu vườn.

“Hẳn là bạn ấy sẽ rất lúng túng khi thấy cảnh này... – Hoàng tử bé nghĩ bụng – Bạn ấy sẽ ho khan và làm bộ muốn chết đi cho khỏi ngỡ ngàng. Rồi mình sẽ phải tỏ vẻ quan tâm an ủi bạn ấy, vì nếu không, có thể bạn ấy sẽ chết đi thật để khiến cho mình đau lòng...”

Rồi cậu tự nhủ: “Mình cứ tưởng là giàu có lắm với một bông hoa duy nhất trên đời, vậy mà chỉ có được một bông hoa tầm thường. Bạn ấy cùng với ba ngọn núi lửa chỉ cao tới đầu gối, mà một ngọn có khi đã tắt vĩnh viễn, chẳng thể giúp mình trở thành một hoàng tử lớn được...”. Và nằm dài trên cỏ, cậu khóc.

(Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri, *Hoàng tử bé*, Nguyễn Tấn Đại dịch, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005, tr. 66 – 67, Nguyễn Tấn Đại hiệu đính bản dịch, 2020)

1. Những câu văn nào thể hiện cảm giác ngạc nhiên của hoàng tử bé khi nhìn thấy cả một vườn hoa hồng?
2. Vì sao hoàng tử bé ngạc nhiên khi nhìn thấy khu vườn đầy hoa hồng?
3. Khi biết rằng có đến “năm ngàn bông hoa” chỉ trong một khu vườn, hoàng tử bé đã có những cảm xúc, suy nghĩ gì?
4. Sự việc được kể trong đoạn trích diễn ra trước hay sau cuộc gặp gỡ giữa hoàng tử bé và cáo? Căn cứ vào đâu em xác định được điều đó?
5. Đoạn trích giúp em hiểu thêm điều gì về “món quà bí mật” mà cáo tặng cho hoàng tử bé trong phần kết của văn bản *Nếu cậu muốn có một người bạn...* (SGK, tr. 24 – 25)?

6. Tìm và giải thích nghĩa của ba từ láy trong đoạn trích.
7. Đặt câu với các từ láy tìm được trong câu hỏi 6.

Bài tập 6. Đọc lại văn bản *Nếu cậu muốn có một người bạn...* (từ *Vĩnh biệt – con cáo nói đến Minh có trách nhiệm với bông hồng của mình...* – *Hoàng tử bé lặp lại, để cho nhớ*) trong SGK (tr. 24 – 25) và trả lời các câu hỏi:

1. Nhân vật nào giữ vai trò chủ động trong cuộc đối thoại trên?
2. Bí mật mà cáo chia sẻ với hoàng tử bé là gì?
3. Em hiểu “thấy rõ với trái tim” nghĩa là gì? Vì sao “mắt trần” lại không thể thấy được “điều cốt lõi”?
4. Tại sao việc hoàng tử bé dành thời gian cho bông hồng của cậu lại khiến bông hồng ấy trở nên quan trọng?
5. Những lời nói của cáo thể hiện đặc điểm gì ở nhân vật này?
6. Nhân vật cáo đã dạy cho hoàng tử bé những bài học rất sâu sắc về tình bạn. Hãy chia sẻ về một bài học có ý nghĩa mà em đã nhận được từ một người bạn nào đó.
7. Chỉ ra từ ghép và từ láy trong câu sau:
Bạn có trách nhiệm mãi mãi với những gì bạn đã cảm hoá.
8. Vô trong vô hình là yếu tố thường đi trước một yếu tố khác, có nghĩa là “không, không có”. Hãy tìm một số từ có yếu tố vô được dùng theo cách như vậy và giải thích nghĩa của những từ đó.

Bài tập 7. Đọc lại văn bản *Những người bạn* (từ *Ngay lần đầu gặp gỡ đến thường xuyên bị mất*) trong SGK (tr. 34 – 35) và trả lời các câu hỏi:

1. Đoạn trích được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?
2. Lai-ca đã rủ và “xúi” nhân vật “tôi” làm những gì?
3. Em hãy chọn phân tích một số chi tiết thể hiện đặc điểm của nhân vật Lai-ca.
4. Nhân vật “tôi” có thái độ thế nào với Lai-ca? Những chi tiết nào thể hiện thái độ đó?
5. *Một đứa bạn như Lai-ca là một đứa bạn hấp dẫn.*
Em có đồng tình với suy nghĩ trên của nhân vật “tôi” không? Vì sao?

6. Tìm từ láy trong những câu sau:
- Hắn còn lén vào phòng tắm đánh cắp cục xà phòng và hớn hờ tha vào dưới gầm tủ.*
 - Đó là một cục đen sì, nhớp nháp, đầy những vết rỗ và vết xước như vừa vớt ra từ một cuộc chiến.*
 - Trong quãng thời gian ngắn ngủi ở nhà tôi, thằng Lai-ca cũng kịp bày cho tôi cái trò nhảy chồm chồm trong giờ ăn.*
7. Giải thích nghĩa của từ in đậm trong câu văn sau và tìm những từ đồng nghĩa với từ đó:
- Hắn hào hứng rủ tôi gặm, và khi thấy tôi nhăn mũi thì hắn **tinh bơ** gặm một mình cái món hôi rình đó.*

Bài tập 8. Đọc lại văn bản *Những người bạn (từ Một đứa bạn như Lai-ca đến thật là quý giá)* trong SGK (tr. 35 – 37) và trả lời các câu hỏi:

- Nhân vật “tôi” đánh giá Bi-nô là một cậu bạn như thế nào?
- Nhân vật “tôi” và Bi-nô đã cùng nhau trải nghiệm điều thú vị gì?
- Khi nghe mưa, nhân vật “tôi” đã có những cảm xúc, suy nghĩ gì?
- Tại sao nhân vật “tôi” cảm nhận khoảnh khắc ngắm mưa “thật là quý giá”?
- Nhân vật Bê-tô đã nằm nghe tiếng mưa rơi trên mái tôn và cảm nhận khoảnh khắc đó thật là quý giá. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) miêu tả một khoảnh khắc từng khiến em có được những cảm xúc tuyệt vời.
- Trong đoạn trích có những từ láy mô phỏng âm thanh tiếng mưa như: *rầm rầm, lộp độp*. Hãy tìm thêm những từ láy khác cũng mô phỏng âm thanh tiếng mưa.
- Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong đoạn trích từ *Những hạt mưa đến đê bẹp chúng tôi*.

VIẾT

Đọc và tóm tắt bài văn kể lại một trải nghiệm theo gợi ý ở dưới:

Một buổi sáng đáng nhớ

Đó là một buổi sáng sớm đầu mùa hạ. Tôi bị đánh thức bởi tiếng “Meo! Meo!” như gào của Miu Xám. Đây là nó gọi tôi mỗi lúc sẵn được môi. Để khoe khoang “chiến công” mà! Tôi lập tức chồm dậy, phi ngay xuống bếp. Nhưng lần này Miu Xám không tha về một con chuột hay con thạch sùng như mọi khi mà là một con chim cánh loã xoã. Tôi vội chạy đến cứu chú chim tội nghiệp. Miu Xám chui tọt vào gầm bàn, gù gù. Thấy tôi gọi, nó vênh mặt, mắt sáng lên, ra chiều tự hào lắm nhưng mồm vẫn ngậm chặt con môi.

Tôi vội vàng ngồi xuống đỡ dành Miu Xám rồi lùa túm chặt lấy gáy khiến nó phải nhả con môi ra. Tôi ôm chú chim vào lòng bàn tay. Nó đẹp vô cùng: đuôi dài mượt, trên đỉnh đầu có nhúm lông dựng lên như cái sừng, lông cổ trắng muốt và lông hai bên má lại có màu đỏ tươi (sau này tôi tìm trên in-tơ-nét mới biết đấy là chim chào mào má đỏ).

Tôi vuốt nhẹ rồi lật qua lật lại vẫn thấy chú chim nằm lả ra, không cựa quậy. Đầu nó mềm oặt, mắt nhắm nghiền. Nó chết mất rồi! Thương quá, tôi đặt nó xuống sàn bếp, định đuổi theo “hỏi tội” Miu Xám. Bất ngờ, chú chim đang nằm sổng sượt bỗng bay vút qua cửa sổ bếp. Tôi không kịp nhìn thấy cử động nào của nó. Chỉ thấy nó lướt vèo ngang mặt tôi rồi mất hút. Tôi đứng ngây người vì sung sướng và kinh ngạc. Ôi, làm sao chú chim bé nhỏ có thể giả chết y như thật vậy chứ! Nhìn lại “đường bay” của nó, tôi lại càng ngạc nhiên. Rõ ràng chú chào mào nhắm tịt mắt suốt từ lúc tôi nhìn thấy nó. Vậy nó nhìn đường bằng cách nào nhỉ? Sao nó có thể “tính toán” một đường bay chéo chính xác tuyệt vời như thế kia? Bởi vì cửa sổ bếp nhà tôi không rộng và chỉ mở kéo về một bên, còn bên kia vẫn là kính trong suốt. Thế mà từ góc sàn bếp, nó vẫn chọn đúng được bên ô cửa mở để lao ra. Nó còn tránh được cả bức tường nhà bên chỉ cách cửa bếp chưa đầy nửa mét rồi vút thẳng lên trời!

Mỗi khi nhớ về buổi sáng hôm ấy, tôi luôn cảm thấy vui sướng. Và mỗi khi giàn cây quanh nhà riu rít tiếng chim, tôi lại háo hức ngó ra. Tôi mong sẽ được gặp lại chú chào mào má đỏ thông minh và can đảm của tôi. Cũng từ đó, tôi đã đeo vào cổ Miu Xám một cái vòng có gắn ba quả chuông nhỏ xíu để không chú chim nào bị trở thành con môi của nó nữa.

(Nhóm biên soạn)

Thời gian, không gian xảy ra câu chuyện:.....



Các nhân vật trong câu chuyện:.....



- Sự việc 1:.....
 - Sự việc 2:.....
 - Sự việc 3:.....
- Cảm xúc của "tôi" khi sự việc xảy ra:.....



Kết thúc câu chuyện:.....

Cảm xúc của "tôi" khi kể lại câu chuyện:.....

NÓI VÀ NGHE

Hãy kể lại một chuyện đi chơi đáng nhớ của em.

Bài 2**GỖ CỬA TRÁI TIM****ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

Bài tập 1. Đọc lại bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* (từ *Mắt trẻ con sáng lấp đến Đường có từ ngày đó*) trong SGK (tr. 40 – 41) và trả lời các câu hỏi:

1. Theo lời kể của nhà thơ, vì trẻ con, những sự vật, hiện tượng nào được sinh ra?
2. Nhà thơ đã sử dụng những biện pháp tu từ nào để miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên? Những biện pháp tu từ đó có tác dụng gì?
3. Qua đoạn trích, nhà thơ muốn nhắn gửi tới trẻ con điều gì?

Bài tập 2. Đọc lại bài thơ *Những cánh bướm* trong SGK (tr. 57 – 58) và trả lời các câu hỏi:

1. Tìm những dòng thơ miêu tả hình ảnh cha và con. Hình ảnh cha và con trong bài thơ khơi gợi trong em những suy nghĩ, cảm xúc gì?
2. Qua miêu tả của nhà thơ, khung cảnh cuộc dạo chơi của hai cha con hiện lên như thế nào?
3. Chỉ ra yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ. Nhà thơ kết hợp sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả nhằm mục đích gì?
4. Hình ảnh những cánh bướm trên biển buổi sớm mai sau trận mưa đêm có ý nghĩa gì?
5. Em hiểu như thế nào về dòng thơ *Cha gặp lại mình trong tiếng ước mơ con*?
6. Qua hai bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* và *Những cánh bướm*, hãy nêu nhận xét của em về tình cảm của cha dành cho con.
7. Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong những dòng thơ sau và nêu tác dụng của biện pháp tu từ ấy:

*Cha mỉm cười xoa đầu con nhỏ:
Theo cánh bướm đi mãi đến nơi xa
Sẽ có cây có cửa có nhà,
Vẫn là đất nước của ta,
Nhưng nơi đó cha chưa hề đi đến.*

8. Từ nghe trong dòng thơ *Nghe con bước lòng vui phơi phơi* có thể thay thế bằng từ khác được không? Hãy chỉ ra sự tinh tế của nhà thơ trong việc sử dụng từ nghe.

9. Tìm các từ láy trong đoạn thơ từ *Hai cha con bước đi trên cát* đến *Nghe con bước lòng vui phơi phới* và nêu tác dụng của những từ láy đó.

Bài tập 3. Đọc lại văn bản *Bức tranh của em gái tôi* trong SGK (tr. 48 – 51) và thực hiện các yêu cầu:

1. Em hãy kẻ bảng vào vở (theo mẫu dưới đây) và liệt kê một số chi tiết tiêu biểu được tác giả sử dụng để miêu tả nhân vật Kiều Phương:

Ngoại hình	Hành động
Lời nói	Thái độ

2. *Bức tranh Anh trai tôi* của Kiều Phương đã khiến nhân vật “tôi” thay đổi như thế nào?
3. Hãy tìm và nêu tác dụng của những từ phức miêu tả diễn biến tâm trạng người anh khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ.

Bài tập 4. Đọc bài thơ *Trường hoa của Ta-go* và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới:

Khi mây đông ù ù và mưa hè rào rào đổ xuống.

Gió đông thổi tới lững thững trên dải đất hoang thổi kèn trong rặng tre.

Khi ấy, từng bầy hoa không ai biết từ đâu chợt nảy sinh, đến nhảy múa say vui trên thảm cỏ.

Mẹ ạ, thực bụng con nghĩ rằng hoa đi học trong lòng đất.

Lớp của chúng kín cửa, và bông nào muốn ra sân chơi sớm thì thầy giáo bắt đứng một xó.

Mùa mưa tới là kì nghỉ hè của chúng.

Cành chen nhau trong rừng, lá xào xạc trong gió đại, sấm vỗ tay reo mừng, và những hoa con ù ra với áo hồng, vàng hay trắng toát.

Mẹ có biết không, nhà chúng ở trên trời cùng với muôn sao.

Mẹ có thấy không, chúng hăm hở về trời xiết bao? Mẹ có biết tại sao chúng vội vã thế không?

Hắn là con cũng đoán ngay được chúng giờ tay đón ai; chúng cũng có mẹ như con có vậy.

(Ta-go, *Trăng non*, Phạm Hồng Dung – Phạm Bích Thủy dịch trong *Tuyển tập tác phẩm R. Ta-go*, NXB Lao động, Hà Nội, 2004, tr. 639 – 640)

1. Nhan đề *Trường hoa* gợi cho em liên tưởng tới điều gì?
2. Đọc bài thơ, ta như đang được nghe những lời trò chuyện. Theo em, trong bài thơ, ai nói với ai và nói về chuyện gì?
3. Theo lí giải của em bé, vì sao hoa lại hăm hở về trời?
4. Theo em, có phải em bé chỉ định kể với mẹ câu chuyện của hoa không? Vì sao em nhận xét như vậy?
5. Hãy tìm những dòng thơ kể về hoa trong bài thơ. Trong những dòng thơ đó, nhà thơ đã sử dụng những biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của những biện pháp tu từ đó.
6. Qua hai bài thơ *Mây và sóng* và *Trường hoa*, em cảm nhận tình cảm nhà thơ Ta-go dành cho trẻ em như thế nào? Vì sao?

Bài tập 5. Đọc bài thơ *Mái ấm ngôi nhà* và trả lời các câu hỏi:

*Nếu ngọn gió nào dẫn con đến phương trời xa thẳm
Con đừng quên lối về nhà
Nơi thung sâu khơi nguồn ngọn gió...*

*Nếu cánh chim nào chở con lên thăm mặt trời cháy đỏ
Con đừng quên lối về nhà
Nơi sớm chiều vẫn nhen ngọn lửa*

*Nếu vạt mây nào đưa con lên chơi với ngôi sao xanh biếc
Con đừng quên lối về nhà
Suối trong con tắm mình thuở bé...?*

(Trương Hữu Lợi, *Bài hát con kiến*, NXB Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, 1998, tr. 60 – 61)

1. Bài thơ là lời nhắn nhủ của ai với ai?
2. Hãy tìm những dòng thơ nói về “nhà” trong bài thơ. Những dòng thơ này giúp em cảm nhận như thế nào về “nhà”?
3. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong bài thơ? Việc sử dụng biện pháp tu từ đó có tác dụng gì?

4. Những hình ảnh “phương trời xa thẳm”, “mặt trời cháy đỏ”, “ngôi sao xanh biếc” gợi cho em liên tưởng tới điều gì?
5. Lời nhắn nhủ trong bài thơ khơi gợi trong em những cảm xúc, suy nghĩ gì?

Bài tập 6. Đọc bài thơ *Cái cầu* của nhà thơ Phạm Tiến Duật và trả lời các câu hỏi:

*Cha gửi cho con chiếc ảnh cái cầu
Cha vừa bắc xong qua dòng sông sâu;
Xe lửa sắp qua, thư cha nói thế,
Con cho mẹ xem – cho xem hơi lâu.*

*Những cái cầu ơi, yêu sao yêu ghê,
Nhện qua chum nước bắc cầu tơ nhỏ,
Con sáo sang sông bắc cầu ngọn gió,
Con kiến qua ngòi bắc cầu lá tre.*

*Yêu cái cầu vồng khi trời nổi gió
Bắc giữa trời cao, vệt xanh vệt đỏ,
Dưới gầm cầu vồng nhà máy mới xây
Trời sắp mưa khói trắng hơn mây.*

*Yêu cái cầu tre bắc qua sông máng
Mùa gặt con đi đón mẹ bên cầu;
Lúa hợp tác từng đoàn nặng gánh
Qua cầu tre, vàng cả dòng sâu*

*Yêu cái cầu treo lối sang bà ngoại
Như vồng trên sông ru người qua lại,
Dưới cầu nhiều thuyền chở đá chở vôi;
Thuyền buồm đi ngược, thuyền thoi đi xuôi*

*Yêu hơn, cả cái cầu ao mẹ thường dãi đổ
Là cái cầu này ảnh chụp xa xa;
Mẹ bảo: cầu Hàm Rồng sông Mã
Con cứ gọi: cái cầu của cha.*

(Phạm Tiến Duật, *Vầng trăng quầng lửa – Thơ*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 5 – 6)

1. Bài thơ kể về một câu chuyện. Đó là câu chuyện gì và người kể là ai?
2. Từ “cái cầu của cha”, bạn nhỏ liên tưởng đến nhiều cây cầu khác. Hãy liệt kê và nêu hình dung của em về những cây cầu đó.
3. Biện pháp tu từ nào được sử dụng để biểu đạt tình cảm của bạn nhỏ dành cho những cây cầu? Em hãy chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ đó.
4. Theo em, bạn nhỏ yêu nhất là cây cầu nào? Vì sao?
5. Tình cảm của bạn nhỏ đối với những cây cầu thể hiện điều gì?
6. Hình ảnh người cha và người mẹ xuất hiện trong bài thơ gợi cho em suy nghĩ và cảm xúc gì?

VIẾT

Bài tập 1

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 10 câu) ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ *Trường hoa* của Ta-go.

Bài tập 2

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 10 câu) ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ *Cái cầu* của Phạm Tiến Duật.

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

Trình bày cảm nghĩ của em về bài thơ *Trường hoa* của Ta-go.

Bài tập 2

Trình bày suy nghĩ của em về tình cảm gia đình sau khi đọc bài thơ *Cái cầu* của Phạm Tiến Duật.

Bài 3**YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ****ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT****Bài tập 1. Đọc lại văn bản *Gió lạnh đầu mùa* trong SGK (tr. 67 – 72) và trả lời các câu hỏi:**

- Sắp xếp lại các sự việc sau theo trình tự diễn biến của câu chuyện:
 - Hai chị em Sơn ra xóm chợ chơi và thấy những người bạn ở xóm chợ nghèo mặc những bộ quần áo bạc, vá nhiều chỗ; đặc biệt em Hiên chỉ mặc manh áo rách tả tơi, co ro chịu rét.
 - Mùa đông giá lạnh đã đến, hai chị em Sơn và Lan được mặc những bộ quần áo đẹp và ấm áp.
 - Chuyện cho áo đến tai người thân. Lo sợ bị mẹ mắng, Sơn và Lan đi tìm Hiên để đòi áo.
 - Chị Lan hăm hờ về lấy áo cho Hiên, Sơn thấy lòng ấm áp, vui vui.
 - Sơn thấy động lòng thương Hiên, hỏi chị về việc đem cho Hiên cái áo bông cũ của người em đã mất.
 - Mẹ Hiên sang nhà Sơn trả lại chiếc áo bông.
 - Biết hoàn cảnh của gia đình Hiên, mẹ Sơn đã cho mẹ Hiên mượn tiền để may áo cho con.
- Theo em, nhân vật Sơn là người như thế nào? Em dựa vào những sự việc, chi tiết nào trong tác phẩm để đưa ra nhận xét đó?
- Em đồng tình hay không đồng tình với hành động vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo bông của nhân vật Sơn? Vì sao?
- Trong tác phẩm, em thích nhân vật nào nhất? Vì sao?
- Nếu được đặt lại nhan đề cho tác phẩm, em sẽ chọn nhan đề gì? Giải thích lí do em chọn nhan đề đó.

Bài tập 2. Đọc lại văn bản *Cô bé bán diêm* (từ *Em quẹt que diêm thứ hai đến của em bé bán diêm*) trong SGK (tr. 63) và trả lời các câu hỏi:

- Xác định ngôi kể của người kể chuyện trong đoạn trích.
- Khi quẹt que diêm thứ hai, cô bé bán diêm đã “nhìn thấy” những hình ảnh gì?
- Những hình ảnh hiện lên trong trí tưởng tượng của cô bé bán diêm khi quẹt que diêm thứ hai thể hiện ước muốn gì? Ước muốn đó cho thấy nỗi khổ nào của cô bé?

4. Tác giả muốn nhấn mạnh điều gì khi miêu tả sự tương phản giữa “mộng寐” của cô bé bán diêm và thực tế ngoài đường phố?
5. Theo em, vì sao khách đi đường “hoàn toàn lãnh đạm” trước tình cảnh đáng thương của cô bé bán diêm? Nếu là một người qua đường lúc đó, em sẽ làm gì?
6. Tìm cụm danh từ trong những câu sau. Xác định trung tâm của cụm danh từ và những ý nghĩa mà trung tâm đó được bổ sung.
 - a. *Em quẹt que diêm thứ hai, diêm cháy và sáng rực lên.*
 - b. *Bức tường như biến thành một tấm rèm bằng vải màn.*
7. Dòng nào sau đây KHÔNG phải cụm danh từ?
 - A. Một con ngỗng quay
 - B. Ngỗng ta nhảy ra khỏi đĩa
 - C. Những bức tường dày đặc và lạnh lẽo
 - D. Mấy người khách qua đường

Bài tập 3. Đọc lại văn bản *Cô bé bán diêm* (từ *Em quẹt que diêm thứ ba đến Họ đã về châu Thượng đế*) trong SGK (tr. 63 – 64) và trả lời các câu hỏi:

1. Khi quẹt que diêm thứ ba, cô bé bán diêm đã “nhìn thấy” những hình ảnh gì?
2. Tại sao cô bé bán diêm lại muốn quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao?
3. Những lời nói trong tưởng tượng của cô bé bán diêm với người bà hiền hậu cho em cảm nhận như thế nào về cảnh ngộ của cô bé?
4. Nêu nhận xét của em về thái độ của nhà văn đối với cô bé bán diêm. Phân tích một chi tiết làm cơ sở cho nhận xét đó.
5. Theo em, hình ảnh người bà cầm tay cô bé bán diêm, rồi “hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa” là một cảnh ấm áp hay thương tâm? Vì sao?
6. Tìm cụm danh từ trong những câu sau. Xác định trung tâm của cụm danh từ và những ý nghĩa mà trung tâm đó được bổ sung.
 - a. *Bỗng em thấy hiện ra một cây thông Nô-en.*
 - b. *Thế là em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao.*
7. Dòng nào sau đây KHÔNG phải một cụm danh từ?
 - A. Một nhà buôn giàu có
 - B. Những ngôi sao trên trời
 - C. Cũng biến đi mất như lò sưởi
 - D. Hai bà cháu

Bài tập 4. Đọc lại văn bản *Gió lạnh đầu mùa* (từ *Sơn bấy giờ mới chợt nhớ ra đến ấ áp vui vui*) trong SGK (tr. 70 – 71) và trả lời các câu hỏi:

1. Người kể chuyện trong đoạn trích có trực tiếp tham gia vào câu chuyện không? Đó là người kể chuyện ngôi thứ mấy?
2. Sơn hiểu được điều gì khi chợt nhớ ra cảnh sống nghèo khổ của mẹ con bé Hiên?
3. Vì sao Sơn nảy ra ý định rủ chị Lan về lấy chiếc áo bông cũ của em Duyên cho bé Hiên?
4. Nêu những suy nghĩ, cảm xúc của Sơn trong đoạn trích. Miêu tả những suy nghĩ, cảm xúc đó, tác giả đã làm nổi bật được điều gì ở nhân vật này?
5. Em đã bao giờ trải qua cảm xúc giống như niềm vui của Sơn khi cùng chị mang chiếc áo bông cũ cho bé Hiên? Hãy chia sẻ vì sao em có hoặc chưa có trải nghiệm đó.
6. Tìm cụm danh từ trong những câu sau. Xác định trung tâm của cụm danh từ và những ý nghĩa mà trung tâm đó được bổ sung.
 - a. *Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm.*
 - b. *Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.*
7. Dòng nào sau đây KHÔNG phải cụm động từ?
 - A. Lại gần chị thì thầm
 - B. Đem cho nó cái áo bông cũ
 - C. Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ
 - D. Đứng lặng yên đợi

Bài tập 5. Đọc lại văn bản *Gió lạnh đầu mùa* (từ *Hai chị em lo lắng dốt nhau đến không sợ mẹ mắng ư?*) trong SGK (tr. 72) và trả lời các câu hỏi:

1. Tìm các từ ngữ miêu tả tâm trạng của hai chị em Sơn khi về nhà.
2. Thái độ của mẹ Sơn trong hai lần nói với các con khác nhau như thế nào?
3. Vì sao khi về đến nhà, Sơn “sợ hãi, cúi đầu lặng im, nép vào sau lưng chị”?
4. Việc mẹ Hiên sang nhà Sơn trả lại chiếc áo bông giúp em cảm nhận như thế nào về nhân vật này?
5. Nhận xét về cách ứng xử của mẹ Sơn với mẹ Hiên trong đoạn trích trên.
6. Theo em, điều gì sẽ xảy ra nếu mẹ Hiên không sang nhà Sơn để trả lại chiếc áo bông cũ?
7. Em có cho rằng cách kết thúc truyện của tác giả là hợp lí không? Vì sao?

8. Dòng nào sau đây KHÔNG phải một cụm động từ?
 - A. Lo lắng dặt nhau lên về nhà
 - B. Cái áo bông cũ
 - C. Đang ngồi ở cái ghế con
 - D. Cũng biến đi mất như lò sưởi.
9. Tìm một cụm tính từ trong đoạn trích. Với trung tâm của cụm tính từ đó, hãy tạo ra ba cụm tính từ khác.

Bài tập 6. Đọc lại văn bản Lắc-ki thực sự may mắn (từ Nước mắt lưng tròng đến vắt ngang lưng con mèo) trong SGK (tr. 86 - 87) và trả lời các câu hỏi:

1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện trong đoạn trích.
2. Vì sao Gióc-ba chưa từng phủ nhận khi Lắc-ki nói Lắc-ki là một con mèo?
3. Chỉ ra các chi tiết thể hiện sự quan tâm, tình yêu thương mà Gióc-ba và đàn mèo dành cho Lắc-ki.
4. Đọc đoạn trích, em có thấy Lắc-ki là con hải âu "thực sự may mắn" không? Vì sao?
5. Mèo Gióc-ba khẳng định rằng: "Thật dễ dàng để chấp nhận và yêu thương một kẻ nào đó giống mình, nhưng để yêu thương ai đó khác mình thực sự rất khó khăn". Em có đồng tình với điều đó không? Vì sao?
6. Chỉ ra hai cụm danh từ trong các câu sau và cho biết dụng ý của nhân vật Gióc-ba khi dùng hai cụm danh từ đó.
Và chúng ta yêu con bởi vì con là một con hải âu. Một con hải âu xinh đẹp.
7. Tìm cụm động từ trong những câu sau. Xác định trung tâm của cụm động từ và những ý nghĩa mà trung tâm đó được bổ sung.
 - a. Chúng ta đã bảo vệ con từ khoảnh khắc con mổ vỡ lớp vỏ trứng ra đời.
 - b. Chúng ta yêu con như yêu một con hải âu.
 - c. Chúng ta cảm thấy con cũng yêu chúng ta như vậy.

Bài tập 7. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Tôi đến tận gốc chanh chăm chú theo dõi. Từng đợt, từng đợt, bảy tám con một lúc, những chú bọ ngựa bé tí ti như con muỗi, màu xanh cốm, ló cái đầu tinh nghịch có đôi mắt thô lỗ lách khỏi kẽ hở trên ổ trứng mẹ, cố rướn ra, cố trườn ra, thoát được cái đầu, cái mình... rồi nhẹ nhàng tọt khỏi ổ trứng, người treo lơ lửng trên một sợi tơ rất mảnh bay bay theo chiều gió. Mới ra khỏi ổ trứng, các chú nằm đờ một lát, rồi ngo ngoáy, rồi ngó ngoáy; các chú càng cứng càng cựa quậy thì sợi tơ càng dài ra,

từ từ thả các chú xuống phía dưới. Cứ như là mẹ các chú đang ở đó, nhẹ nhàng bồng từng chú mà đặt xuống một cái nệm êm vậy.

Chú bọ ngựa con đầu đàn “nhảy dù” trúng một quả chanh non. Chú đứng hiên ngang trên quả chanh tròn xinh, giương giương đôi tay kiếm nhỏ xíu, mình lắc lư theo kiểu võ sĩ, ngược nhìn từng loạt, từng loạt đàn em mình đang “đổ bộ” xuống hết sức chính xác và mau lẹ. Chú đứng trên quả chanh, mang đầy đủ dòng máu hiệp sĩ của nòi bọ ngựa, hùng dũng như con sư tử đứng vờn quả cầu...

Đàn bọ ngựa mới nở chạy tíu tít, lập tức dàn quân ra khắp cây chanh, mỗi con mỗi ngả bắt đầu một cuộc sống dũng cảm, tự lập.

(Vũ Tú Nam, *Cái trứng bọ ngựa*, trích *Những tác phẩm chọn lọc dành cho thiếu nhi – Hoa lá trong vườn*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2009, tr. 29)

1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện trong đoạn trích.
2. Liệt kê một số chi tiết miêu tả đàn bọ ngựa con và chú bọ ngựa con đầu đàn.
3. Nhân vật “tôi” đã rất chăm chú và kiên nhẫn khi quan sát những cái trứng bọ ngựa nở thành đàn bọ ngựa con. Em hãy chỉ ra một số chi tiết thể hiện điều đó.
4. Cách quan sát, miêu tả của nhân vật “tôi” thể hiện tình cảm gì với các chú bọ ngựa con?
5. Hãy quan sát kĩ một hình ảnh thiên nhiên quanh em (đám mây, bông hoa, giọt sương, cây lá,...) hoặc một con vật nuôi và ghi lại vài điều thú vị mà em nhìn thấy, cảm thấy.
6. Tìm và nêu tác dụng của từ láy trong đoạn văn sau:

Từng đợt, từng đợt, bảy tám con một lúc, những chú bọ ngựa bé tí ti như con muỗi, màu xanh cốm, ló cái đầu tinh nghịch có đôi mắt thô lỗ lách khỏi kẽ hở trên ổ trứng mẹ, cố rướn ra, cố trườn ra, thoát được cái đầu, cái mình... rồi nhẹ nhàng tọt khỏi ổ trứng, người treo lơ lửng trên một sợi tơ rất mảnh bay bay theo chiều gió.

7. Tìm một câu văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong đoạn trích trên và chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Bài tập 8. Đọc hai đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới:

Đoạn trích 1

Rét dữ dội, tuyết rơi. Trời đã tối hẳn. Đêm nay là đêm giao thừa.

Giữa trời đông giá rét, một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối.

Lúc ra khỏi nhà em có đi giày vải, nhưng giày vải phòng có tác dụng gì kia chứ! Giày ấy của mẹ em để lại, rộng quá, em đã liên tiếp làm văng mất cả hai chiếc khi em chạy qua đường, vào lúc hai chiếc xe ngựa đang phóng nước đại.

[...] Thế rồi em phải đi đất, chân em đỏ ửng lên, rồi tím bầm lại vì rét.

Chiếc tạp dề cũ kĩ của em đựng đầy diêm và tay em còn cầm thêm một bao.

Em cố kiếm một nơi có nhiều người qua lại. Nhưng trời rét quá, khách qua đường đều rào bước rất nhanh, chẳng ai đoái hoài đến lời chào hàng của em.

Suốt ngày em chẳng bán được gì cả và chẳng ai bố thí cho em chút đỉnh. Em bé đáng thương, bụng đói rét vẫn lang thang trên đường. [...] Tuy nhiên, em không thể nào về nhà nếu không bán được ít bao diêm, hay không ai bố thí cho một đồng xu nào đem về; nhất định là cha em sẽ đánh em.

(Han Cri-xti-an An-đéc-xen, *Cô bé bán diêm*, Nguyễn Văn Hải – Vũ Minh Toàn dịch, Ngữ văn 6, tập một, Sđd, tr. 61 – 62)

Đoạn trích 2

Trước cổng trường, bên kia đường phố, một cậu bé nạo ống khói⁽¹⁾ đang đứng, tay tựa vào tường, đầu gục vào tay. Người cậu đen ngòm những bồ hóng, cũng như cái bị, mấy cái chổi và cái nạo của cậu, và cậu khóc nức nở, não nuột quá chừng.

Hai ba nữ sinh lớp hai lại gần, hỏi cậu tại sao mà khóc như vậy.

Nhưng cậu bé nạo ống khói không trả lời, và cứ khóc mãi.

Các bạn nữ sinh lại hỏi:

– Kia, nói đi, bạn làm sao vậy? Tại sao bạn khóc?

Cậu bé bỏ cánh tay xuống, để lộ gương mặt nom hiền hậu, kể là đi nạo mấy ống khói, được số tiền cộng lại là ba hào nhưng chẳng may rơi mất vì vô ý bỏ vào cái túi áo thủng. Và nay không dám trở về nhà chủ vì sợ bị đánh.

Nói rồi, cậu lại càng khóc thảm thiết hơn, đầu gục vào cánh tay như một kẻ tuyệt vọng.

[...] Một nữ sinh vào loại lớn, đội cái mũ có cắm chiếc lông chim xanh, lấy hai đồng xu trong túi ra và nói:

– Mình chỉ có hai xu, nhưng chúng ta hãy góp nhau lại.

– Mình cũng có hai xu đây – một cô bé mặc áo đỏ nói. – Thế nào tất cả chúng ta cũng kiếm đủ ba hào!

[...] Số tiền ba hào đã đủ, nhưng xu vẫn tiếp tục đổ ra như mưa. Những em bé không có tiền, cũng lách qua giữa các chị lớn, đem cho những chùm hoa nho nhỏ, gọi là cũng góp phần mình.

(1) Ở các nước ôn đới, trẻ con nghèo thường đi làm nghề nạo ống khói lò sưởi, nhà bếp vì thân hình nhỏ, dễ chui vào ống khói.

[...] *Cậu bé nọ ống khói còn lại một mình trên đường phố, đứng lau nước mắt. Không những hai tay cậu đầy cả xu, mà các bạn nữ sinh còn luồn vào khuyết áo của cậu, đút vào túi áo, và cả trong mũ của cậu không biết bao nhiêu là chùm hoa nho nhỏ.*

(Ét-môn-đô đơ A-mi-xi, *Cậu bé nọ ống khói*, trích *Những tấm lòng cao cả*, Hoàng Thiếu Sơn dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2016 tr. 38 – 39)

Nhân vật cô bé bán diêm và cậu bé nọ ống khói có điểm gì giống và khác nhau? Hãy so sánh hai nhân vật theo sơ đồ gợi ý dưới đây.



VIẾT

Dựa vào sơ đồ ở bài tập 8 phần Đọc hiểu và Thực hành tiếng Việt, hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 câu) so sánh nhân vật cô bé bán diêm và cậu bé nọ ống khói.

NÓI VÀ NGHE

Hãy kể lại một lần em giúp đỡ người khác hay được người khác giúp đỡ.

ĐỌC MỞ RỘNG

Bài tập 1

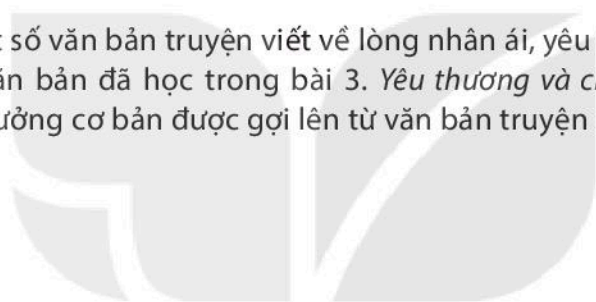
Tìm đọc một số văn bản truyện (trọng tâm là truyện đồng thoại) có nội dung gần gũi với các văn bản đã học trong bài 1. *Tôi và các bạn*. Ghi lại các thông tin và ý tưởng cơ bản được gợi lên từ văn bản truyện đã đọc vào nhật kí đọc sách.

Bài tập 2

Tìm đọc một số bài thơ có nội dung gần gũi (tình cảm gia đình) với các văn bản đã học trong bài 2. *Gõ cửa trái tim*. Ghi một số thông tin và ý tưởng cơ bản được gợi lên từ bài thơ đã đọc vào nhật kí đọc sách.

Bài tập 3

Tìm đọc một số văn bản truyện viết về lòng nhân ái, yêu thương con người tương tự các văn bản đã học trong bài 3. *Yêu thương và chia sẻ*. Ghi một số thông tin và ý tưởng cơ bản được gợi lên từ văn bản truyện đã đọc vào nhật kí đọc sách.



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 4**QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU****ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

Bài tập 1. Đọc lại *Chùm ca dao về quê hương đất nước* trong SGK (tr. 90 – 91) và trả lời các câu hỏi:

1. Chỉ ra những đặc điểm về cách phối thanh và ngắt nhịp của thơ lục bát được thể hiện trong hai dòng đầu của bài ca dao số 1.
2. Nêu những địa danh được nhắc đến trong bài ca dao số 1. Theo em, việc liệt kê hàng loạt các địa danh nổi tiếng đó nhằm mục đích gì?
3. Bài ca dao số 1 còn có một dị bản như sau:

*Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương
Thuyền về xuôi mái dòng Hương
Biết đâu tâm sự đôi đường đặng cay?*

Hiện tượng này tồn tại khá phổ biến trong ca dao. Hãy nêu một trường hợp tương tự.

4. Theo em, trong bài ca dao số 2, nếu thay từ *ai* bằng từ *em* hoặc từ *anh* thì giá trị biểu đạt có thay đổi không?
5. Em hãy kể tên một bài ca dao khác cũng viết về xứ Lạng.
6. Bài ca dao số 3 ca ngợi vùng đất nào? Dựa vào đâu em biết được điều đó?
7. Chỉ ra các từ láy được sử dụng trong *Chùm ca dao về quê hương đất nước*.

Bài tập 2. Đọc lại bài thơ *Hành trình của bầy ong* trong SGK (tr. 106 – 107) và trả lời các câu hỏi:

1. Bài thơ được viết theo thể thơ gì? Dựa vào đâu em biết được điều đó?
2. Những chi tiết nào cho thấy bầy ong đã không quản gian khó để đem lại hương sắc, mật ngọt cho cuộc đời?
3. Theo em, vì sao tác giả có thể khẳng định "*Đất nơi đâu cũng tìm ra ngọt ngào*"?
4. Qua bài thơ, em cảm nhận được phẩm chất đáng quý gì của bầy ong?
5. Từ hành trình của bầy ong, nhà thơ muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?
6. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

*Tìm nơi thắm thắm rừng sâu
Bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban.
Tìm nơi bờ biển sóng tràn
Hàng cây chắn bão dịu dàng mùa hoa.
Tìm nơi quần đảo khơi xa
Có loài hoa nở như là không tên...*

Bài tập 3. Đọc lại bài thơ *Chuyện cổ nước mình* (từ *Tôi yêu chuyện cổ nước tôi* đến *Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì*) trong SGK (tr. 93 – 94) và trả lời các câu hỏi:

1. Dựa vào đặc điểm về cách gieo vần của thơ lục bát, em hãy chỉ ra các tiếng được gieo vần với nhau trong đoạn thơ sau:

*Mang theo chuyện cổ tôi đi
Nghe trong cuộc sống thăm thì tiếng xưa
Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa
Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi.*

2. Nhà thơ yêu những câu chuyện cổ nước mình vì những lí do gì?
3. Ở *hiền thì lại gặp hiền/ Người ngay thì gặp người tiên độ trì*. Em hãy kể tên những câu chuyện cổ Việt Nam thể hiện triết lí nhân sinh đó.
4. Các câu chuyện cổ ẩn chứa những nét đẹp tình người và những bài học cuộc sống. Những dòng thơ nào trong đoạn thơ cho em biết điều đó?
5. Theo em, vì sao tác giả có thể “nhận mặt ông cha” qua các câu chuyện cổ?
6. So sánh nghĩa của từ *vàng* trong hai trường hợp sau và cho biết đó là từ đồng âm hay từ đa nghĩa. Vì sao?
a. **Vàng** cơn nắng, trắng cơn mưa
b. Cô ấy đeo rất nhiều **vàng**.

Bài tập 4. Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*Ai xui ta nhớ Hàm Rồng
Muốn trông chẳng thấy cho lòng khôn khuây.
Từ ta trở lại Sơn Tây
Con đường Nam, Bắc ít ngày vắng lại.
Sơn cầu còn đỏ chưa phai?
Non xanh còn đối sông dài còn sâu?
Còn thuyền đánh cá buông câu?
Còn xe lửa chạy trên cầu như xưa?
Lấy ai viếng cảnh bây giờ
Mà hay cảnh có đợi chờ cùng nhau!
Ước sao sông cứ còn sâu
Non cao còn cứ giữ màu xanh xanh.*

(Tản Đà, trích *Nhớ cảnh cầu Hàm Rồng*, trong *Tuyển tập Tản Đà*, NXB Văn học, Hà Nội, 1986, tr. 231 – 232)

1. Bài thơ viết về cảnh đẹp nào của đất nước? Hãy chỉ ra những hình ảnh tác giả sử dụng để miêu tả cảnh đẹp đó.
2. Tình cảm của nhà thơ được thể hiện như thế nào qua hai dòng thơ đầu: *Ai xui ta nhớ Hàm Rồng/ Muốn trông chẳng thấy cho lòng khôn khuây?*
3. Việc tác giả sử dụng các câu hỏi nối tiếp kết hợp với biện pháp tu từ điệp ngữ đã thể hiện điều gì?
4. Em hiểu như thế nào về ý nghĩa của hai dòng thơ: *Ước sao sông cứ còn sâu/ Non cao còn cứ giữ màu xanh xanh?*
5. Qua đoạn thơ, em cảm nhận được tình cảm gì của tác giả?
6. Xác định và chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai dòng thơ:

*Lấy ai viếng cảnh bây giờ
Mà hay cảnh có đợi chờ cùng nhau!*

Bài tập 5. Đọc đoạn thơ sau trong bài thơ *Gần lắm Trường Sa* của Lê Thị Kim và trả lời các câu hỏi:

*Biết rằng xa lắm Trường Sa
Trùng dương ấy tôi chưa ra lần nào
Viết làm sao, viết làm sao
Câu thơ nào phải con tàu ra khơi
Thế mà đã có lòng tôi
Ở nơi cuối bến ở nơi cùng bờ
Phải đâu chùm đảo san hô
Cũng không giống một chùm thơ ngọt lành
Hỡi quần đảo cuối trời xanh
Như trăm hạt thóc vãi thành đảo con
Sóng bào mãi vẫn không mòn
Vẫn còn biển cả vẫn còn Trường Sa
[...] Ở nơi sừng sững niềm tin
Hỡi quần đảo của bốn nghìn năm qua
Tắm lòng theo mũi tàu ra
Với tôi quần đảo Trường Sa rất gần.*

(Lê Thị Kim – Nguyễn Nhật Ánh, *Thành phố tháng Tư*,
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1984, tr. 15 – 17)

1. Hãy chỉ ra những đặc điểm của thơ lục bát được thể hiện qua bốn dòng cuối của đoạn thơ.

2. Nêu những hình ảnh tác giả sử dụng để miêu tả quần đảo Trường Sa.
3. Theo em, vì sao nhà thơ khẳng định "*Với tôi quần đảo Trường Sa rất gần*"?
4. Bài thơ đã khơi gợi trong em tình cảm và trách nhiệm gì với đất nước, với biển đảo quê hương?
5. So sánh nghĩa của từ *mũi* trong hai trường hợp sau và cho biết đó là từ đồng âm hay từ đa nghĩa:
 - a. *Tắm lòng theo **mũi** tàu ra*
Với tôi quần đảo Trường Sa rất gần.
 - b. *Bạn Lan có chiếc **mũi** dục dừa rất đẹp.*
6. Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì trong hai dòng thơ sau. Nêu tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ đó.

Hỡi quần đảo cuối trời xanh

Như trăm hạt thóc vãi thành đảo con

Bài tập 6. Đọc bài ca dao sau và trả lời các câu hỏi:

*Chiều chiều trước bến Văn Lâu⁽¹⁾
Ai ngồi, ai câu, ai sấu, ai thăm
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông?
Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Đưa câu mái đẩy, chạnh lòng nước non.*

(Nguyễn Xuân Kính – Phan Đăng Nhật – Phan Đăng Tài – Nguyễn Thuý Loan – Đặng Diệu Trang, *Kho tàng ca dao người Việt*, tập 1, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2001, tr. 515)

1. So với đặc điểm tiêu biểu của thơ lục bát được nêu ở phần Tri thức ngữ văn (SGK, tr. 89), số tiếng của các dòng trong bài ca dao này có gì khác biệt? Theo em, đây có phải là hiện tượng lục bát biến thể hay không?
2. Phần Tri thức ngữ văn cũng cho biết đặc điểm về cách phối thanh của thơ lục bát. Em hãy chỉ ra điểm khác biệt trong cách phối thanh ở bài ca dao trên.
3. Bài ca dao trên có điểm gì khác biệt về vị trí gieo vần so với những bài thơ lục bát thông thường?
4. Việc sử dụng liên tiếp hai dòng thơ tám tiếng (*Ai ngồi, ai câu, ai sấu, ai thăm/ Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông?*) có tác dụng gì?
5. Nêu những cảm nhận của em về thời gian, không gian được miêu tả trong bài ca dao.

⁽¹⁾ Đây vốn là bài thơ của Ứng Bình Thúc Giạ Thị (1877 – 1961), một nhà thơ nổi tiếng thời Tự Đức, sau đó đã đi vào dân gian, trở thành bài hát dân gian.

6. Giải thích nghĩa của từ *thảm* trong các câu sau và cho biết đây là từ đồng âm hay từ đa nghĩa:
- Ai ngồi, ai câu, ai sâu, ai thảm.*
 - Sàn nhà được trải thảm trông rất ấm cúng, sang trọng.*

VIẾT

Bài tập 1

Hãy tập gieo vần cho thơ lục bát bằng cách tìm tiếng phù hợp cho mỗi chỗ trống trong các đoạn thơ sau:

(1) Ngày nay dù ở nơi ...
Nhưng khi về đến cây đa đầu làng
Thì bao nhiêu cảnh mơ ...,
Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre.
(Theo Bằng Bá Lân, Cổng làng)

(2) Đêm mưa làm nhớ không ...,
Lòng run thêm lạnh nổi hàn bao la.
Tai nương nước giọt mái ...
Nghe trời nắng nặng, nghe ta buồn buồn.
(Theo Huy Cận, Buồn đêm mưa)

Bài tập 2

Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) ghi lại cảm xúc của em về đoạn thơ sau:

Đông chiêm phủ nắng lên không
Cánh cò dẫn gió qua thung lúa vàng
Gió nâng tiếng hát chổi chang
Long lanh lưỡi hái liếm ngang chân trời.
(Nguyễn Duy, Tiếng hát mùa gặt)

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

Hãy đọc diễn cảm những đoạn thơ lục bát mà em đã hoàn thiện ở bài tập 1 phần Viết.

Bài tập 2

Trình bày cảm xúc của em về đoạn thơ trong bài tập 2 phần Viết.

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**Bài tập 1. Đọc lại văn bản *Cô Tô* trong SGK (tr. 110 – 112) và trả lời các câu hỏi:**

1. Nhà văn miêu tả *Cô Tô* trong những điều kiện thời tiết như thế nào? *Cô Tô* được miêu tả ở những điều kiện thời tiết như vậy tạo cho người đọc những cảm nhận gì về quần đảo này?
2. Chỉ ra sự khác nhau của cảnh *Cô Tô* trong bão và sau bão. Em thích chi tiết nào nhất trong đoạn tả cảnh *Cô Tô* trong bão và sau bão? Vì sao?
3. Cảnh mặt trời mọc đẹp như một bức tranh sơn mài. Những từ ngữ nào miêu tả màu sắc của bức tranh đó? Hãy nêu hiệu quả nghệ thuật của hình ảnh chiếc nhật và cánh hải âu trong cảnh mặt trời mọc.
4. Trong *Cô Tô* có một số từ láy như *sáng sủa, đầy đặn, dịu dàng*. Hãy tìm thêm các từ láy hoặc từ ghép có *sáng, đầy* hoặc *dịu*.

Bài tập 2. Đọc lại văn bản *Cô Tô* (từ *Khi mặt trời đã lên một vài con sào đến Vô gạo bằng nước biển thôi*) trong SGK (tr. 112) và trả lời các câu hỏi:

1. Tìm những chi tiết trong đoạn trích cho thấy tác giả tham dự vào cuộc sống của người dân đảo.
2. Cảm nhận chung của tác giả về cảnh sinh hoạt của người dân đảo quanh giếng nước ngọt được thể hiện qua câu văn nào?
3. Đoạn trích cho biết điều gì về không khí chuẩn bị ra khơi của dân đảo?
4. Hình ảnh thùng gỗ, cong, ang gổm da lươn, lá cam lá quýt trong lòng giếng cho thấy sợi dây liên hệ giữa đảo xa và đất liền như thế nào?
5. Lời nói của anh hùng Châu Hoà Mãn thể hiện những khó khăn của công việc ra khơi như thế nào? Từ đó, em cảm nhận được gì về tinh thần lao động của người dân đảo?
6. Những chuyến đi đến các vùng đất không chỉ là cơ hội cho ta nhìn ngắm quang cảnh mà còn để trải nghiệm và cảm nhận cuộc sống sinh hoạt của con người. Đoạn trích có thể hiện được điều này không?
7. Tìm những câu văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong đoạn trích và nêu tác dụng của nó.

Bài tập 3. Đọc lại văn bản Nghìn năm tháp Khương Mỹ (từ Trong suốt cuộc hành trình dài hơn 20 tháp lớn nhỏ đến những ngọn tháp trở nên trầm tư, lặng lẽ, uy nghiêm) trong SGK (tr. 128) và trả lời các câu hỏi:

1. Tác giả dùng những đại từ nào để chỉ người kể chuyện trong đoạn trích? Chỉ ra những cụm từ cho thấy người kể chuyện trực tiếp tham gia vào hành trình thăm tháp Khương Mỹ.
2. Những thông tin xác thực về tháp Khương Mỹ trong đoạn trích được sắp xếp theo trình tự nào? Chọn phương án trả lời đúng.
A. Tên – địa chỉ – thời điểm xây dựng – cấu trúc – danh hiệu
B. Danh hiệu – tên – địa chỉ – thời điểm xây dựng – cấu trúc
C. Tên – địa chỉ – cấu trúc – thời điểm xây dựng – danh hiệu
D. Thời điểm xây dựng – tên – địa chỉ – cấu trúc – danh hiệu
3. Nêu chi tiết có thể giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của tháp Khương Mỹ.
4. Vì sao tác giả “đặc biệt thích” nhóm tháp Khương Mỹ? Em hiểu thế nào là “vẻ đẹp thách thức với thời gian”?
5. Đoạn trích cho thấy thái độ của người kể chuyện đối với những di tích văn hoá như thế nào?
6. Các di tích văn hoá kể với chúng ta những câu chuyện về lịch sử cộng đồng. Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về những di tích mà em biết hoặc từng đến thăm.
7. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu "*Hơn một ngàn năm, trải qua bao thăng trầm của lịch sử, những ngọn tháp trở nên trầm tư, lặng lẽ, uy nghiêm*".
8. Cho biết công dụng của dấu ngoặc kép được dùng trong đoạn trích.

Bài tập 4. Đọc lại văn bản Hang Én (từ Lòng hang Én phía trước, nơi rộng nhất khoảng 110m² đến trần hang cao hàng trăm mét) trong SGK (tr. 116) và trả lời các câu hỏi:

1. Nêu các chi tiết miêu tả lòng hang Én.
2. Các từ ngữ *thánh đường, giếng trời, khí trời, ánh sáng, bờ sông, cát mịn, bãi tắm* làm cho hang Én giống như không gian sống lí tưởng của con người. Đoạn văn này có mối liên hệ như thế nào với ý "Hang Én giống như cái tổ khổng lồ và an toàn mà Mẹ Thiên Nhiên ban tặng cho con người" ở đoạn văn trước đó?
3. Vì sao có thể nói chi tiết về người A-rem đã làm tăng thêm vẻ hoang sơ của hang Én?
4. So sánh *Hang Én* với *Cô Tô* để thấy sự khác biệt trong hứng thú khám phá của các tác giả.

5. Cho biết công dụng của dấu ngoặc kép trong câu văn sau:

Giờ họ đã rời ra ngoài sống thành bản nhưng vẫn còn giữ lễ hội “ăn ến”.

Bài tập 5. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Cổ Chiên – cái tên thật lạ và thật đẹp, đẹp như dòng nước cuộn cuộn phù sa nuôi cây lá hai bên bờ, thật ra là một nhánh sông Tiền Giang, dài 82 cây số. Trên bản đồ nó chỉ là một đường vẽ màu xanh nhỏ bé.

Nhớ những giờ địa lí hồi trung học đệ nhất cấp⁽¹⁾, thầy giáo chia nhóm học sinh để vẽ bản đồ đất nước. Nhóm nào vẽ đúng và đẹp thì được điểm cao. Thầy dạy chúng tôi cách đo tỉ lệ thật chính xác. Chúng tôi lấy giấy khổ lớn, nắn nót vẽ từng nét bút chì màu. Chính nhờ những buổi học ấy mà dòng Cổ Chiên vừa lạ lắm vừa thân thuộc đã đi vào trí óc non nớt của tôi cùng với những tên sông xa xôi đầy thương mến khác: Nậm Thi, Lục Nam, Kinh Thầy, Rạch Gầm, Vàm Nao, Gành Hào,... Giờ địa lí của thầy nuôi trong lòng tôi giấc mơ một ngày nào được đi thuyền trên khắp các dòng sông nước mình.

Tôi đến với Cổ Chiên khi cây cầu bắc qua sông đang thành hình. Những chiếc phà tạt tuy bao năm đưa người dân qua sông giờ sắp hoàn thành sứ mệnh. Sẽ không còn cảnh chờ đợi qua phà giữa ngày mưa dầm hay trong cơn nắng gắt. Đường tiêu thụ nông sản đồng bằng sẽ thông thoáng và thuận lợi hơn. Gân Tết, hoa quả nơi đây vừa theo đường sông vừa theo đường bộ toả về các ngả. Dòng sông đã chứng kiến bao mùa hoa trái. Dừa, bắp, đậu, dưa hấu, khoai lang, khoai mì, cam, quýt,... từ bên cồn chở về nườm nượp. Trên sông, những ngôi nhà bè nối tiếp nhau, mái tôn sáng lấp lánh dưới ánh nắng.

Những dòng sông, những cây cầu, những chuyến phà,... như thế đã kết nối thực tại với giấc mơ lãng du thời niên thiếu của tôi.

(Theo Huỳnh Như Phương, Thành phố những thước phim quay chậm, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2018, tr. 107 – 113)

1. Người kể chuyện đã “gặp” dòng Cổ Chiên theo những cách nào?
2. Cuộc sống của người dân Nam Bộ gắn bó với dòng Cổ Chiên như thế nào?
3. Tìm trong đoạn trích những từ ngữ miêu tả sự trù phú của vùng đất phương Nam.
4. Cảnh sầm uất, nhộn nhịp trên dòng Cổ Chiên và hình ảnh “một đường chỉ màu xanh nhỏ bé” trên bản đồ gợi cho em suy nghĩ gì?
5. Hãy nêu những nét tương đồng về nội dung của đoạn trích này với đoạn trích trong bài thơ *Cửu Long Giang ta ơi* (Nguyễn Hồng).

⁽¹⁾ *Trung học đệ nhất cấp*: chương trình trung học từ lớp 6 đến lớp 9 (hệ thống giáo dục miền Nam trước năm 1975).

6. Ước mơ thuở học trò thường được chấp cánh từ những bài học trên lớp. Hãy viết (khoảng 5 – 7 câu) về một bài học đã gợi lên trong em những mong ước về tương lai.

7. Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong câu sau và chỉ ra tác dụng của biện pháp tu từ đó:

Những chiếc phà tận tụy bao năm đưa người dân qua sông giờ sắp hoàn thành sứ mệnh.

Bài tập 6. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Những ai đã một lần đến viếng Thánh địa Mỹ Sơn đều tả lại được cái cảm giác lâng lâng khi đặt chân vào thung lũng đầy những phế tích hoang sơ này. Dường như ở đó có một từ trường cực mạnh thu hút năng lượng từ vũ trụ, một sự hoà điệu giữa những ngôi tháp cổ có thể tạo nên giai điệu, mà nếu lắng nghe, du khách có thể cảm được giai điệu ấy thấm dần vào cơ thể mình. [...] Hình như là tiếng gió lùa qua các ngọn cỏ tháp hoang phế. Hình như những viên gạch Chăm màu nâu sậm lên tiếng. Hình như những ngọn tháp đang thì thầm với bầu trời. Hình như chính tôi đang hát khúc nguyện cầu lặng lẽ... Tôi nghe, bấy giờ khoảng 9 giờ sáng, mưa bụi, bầu trời màu lam, âm âm khắp thung lũng những tiếng ngân, những dư vang, một tiếng nói mơ hồ của kiến trúc, một giao thoa giữa gạch chín nẫu và sa thạch. Tôi đứng lặng dưới vòm cong một ngọn tháp. Phía trên đầu tôi là phù điêu thần Ka-la (vị thần tượng trưng cho thời gian trong tôn giáo và nghệ thuật Chăm) mà râu tóc Thần là những nhánh địa y xanh đẫm. [...] Với hơn 70 công trình kiến trúc được xây dựng từ thế kỉ thứ IV đến thế kỉ thứ XII, Mỹ Sơn hiện diện trong lịch sử kiến trúc tôn giáo Việt Nam như một điều kì diệu, một cơ may. [...]

Vàng, từ đất và từ đá, người nghệ sĩ Chăm vĩ đại cách ba thiên niên kỉ trước đã nghe ra những hoà điệu, và đã thể hiện được những hoà điệu ấy trên đất và trên đá. Để bây giờ, những viên gạch Chăm nơi đây, dù lành lặn hay sứt mẻ, đều biết tự hát. Tôi nghe, âm âm, rì rầm khắp thung lũng Mỹ Sơn tiếng hát của đất và đá, hoà quyện thành một giai điệu, rõ ràng và mơ hồ như chính những ngọn tháp ở đây.

(Theo Thanh Thảo, *Mãi mãi là bí mật*, NXB Lao động, Hà Nội, 2004, tr. 442 – 446)

1. Tác giả viết kí thường ghi lại cảm nhận của chính mình khi trực tiếp đến thăm những vùng đất. Trong đoạn trích về Mỹ Sơn, tác giả ghi lại cảm nhận về điều gì?
2. Giai điệu được nói tới trong đoạn trích được tạo ra từ đâu?
3. Giai điệu Mỹ Sơn được hiểu theo cách nào? Chọn phương án trả lời đúng.
 - A. Là những thông điệp văn hoá, nghệ thuật
 - B. Là tiếng gió thổi
 - C. Là tiếng nói của các nghệ sĩ Chăm
 - D. Là tiếng hát của du khách

4. Đọc đoạn trích, em hình dung như thế nào về Thánh địa Mỹ Sơn? Nếu có thể, em hãy vẽ một bức tranh về Mỹ Sơn.
5. Tìm các câu văn có sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Bài tập 7. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Bao giờ cũng thế, sau cơn lũ, nước rút, các loại cá giã từ đồng bãi tủa ra sông, rạch, kênh, mương. Cá nhiều vô kể. Cá lóc, cá rô, cá mè, cá chạch, cá chài, cá dảnh, cá mè vinh, cá tra, cá vồ, cá chép, cá cóc, cá hú, cá bông lau, cá bưng,... Nhưng tháng 10 âm lịch là thời điểm cá linh áp đảo khắp nơi sông nước đồng bằng. Cá “ken đặc nước”, “cá linh đua”.

Không phải đợi đến tháng 10 mới có cá linh. Sau những đêm ngày vợ chồng Ngâu sụt mướt chia tay, cuối tháng 7, đầu tháng 8 ta, nhiều người bạn đã rủ rê: “Về đi, cá linh non, bông điên điển đã có rồi”.

Mùa thu phương bắc có vẻ đẹp yêu kiều của mặt hồ phẳng lặng, nước trong veo, xanh biêng biếc. Còn ở đây, miền quê châu thổ Cửu Long, gió sớm hiu hiu, mặt nước lao xao bóng nắng. Ngồi với bạn bè trong mái lá nhà sàn, lát vạt tre, bên tô cá linh kho hạt, đĩa bông điên điển vàng hươm, gắp một nhúm cá con cặp vào bông điên điển, nhấp li đế quê nhà,... Một chút hồn quê đã đến với ta trong khoảnh khắc.

(Mai Văn Tạo, trích *Mùa vui sông nước*, Tản văn, NXB Hội Nhà văn, 1999, tr. 183 – 184)

1. Tác giả về thăm “miền quê châu thổ Cửu Long” vào thời điểm nào? Miền quê châu thổ sau mùa lũ có gì đặc biệt?
2. Đoạn trích nói tới món ăn quen thuộc nào của người dân Đồng bằng sông Cửu Long?
3. Với tác giả, món ăn quen thuộc đó có ý nghĩa như thế nào? Chọn phương án trả lời đúng.
 - A. Là cơ gặp gỡ bạn bè
 - B. Gắn với người dân quê
 - C. Mang chút hồn quê
 - D. Quảng bá sản phẩm du lịch
4. Tìm các trường hợp dùng dấu ngoặc kép trong đoạn trích và nêu công dụng trong từng trường hợp.
5. *Bao giờ cũng thế, sau cơn lũ, nước rút, các loại cá giã từ đồng bãi tủa ra sông, rạch, kênh, mương.*

Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu văn trên? Nêu tác dụng của biện pháp đó.

VIẾT

Bài tập 1

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 10 câu) về một cảnh sinh hoạt của người dân nơi em sống hoặc từng đến.

Bài tập 2

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 10 câu) chia sẻ cảm nhận về một bài du kí mà em thích (có thể là bài du kí trong SGK hoặc trong các tuyển tập kí, trên in-tơ-nét,...).

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

Đọc lại văn bản *Hang Én* trong SGK (tr. 114 – 117), vẽ sơ đồ hành trình thám hiểm hang Én (hoặc lập sa bàn), thuyết minh lại hành trình đó theo cách hiểu của em.

Bài tập 2

Nói về một cảnh sinh hoạt của người dân nơi em sống hoặc từng đến.

ĐỌC MỞ RỘNG

Bài tập 1

Tìm đọc một số bài thơ lục bát viết về quê hương đất nước tương tự các văn bản đã học trong bài 4. *Quê hương yêu dấu*. Ghi một số thông tin và ý tưởng cơ bản được gợi lên từ bài thơ đã đọc vào nhật kí đọc sách.

Bài tập 2

Tìm đọc một số văn bản thuộc thể loại kí (du kí) viết về các vùng miền của đất nước tương tự các văn bản đã học trong bài 5. *Những nẻo đường xứ sở*. Ghi một số thông tin và ý tưởng cơ bản được gợi lên từ tác phẩm kí đã đọc vào nhật kí đọc sách.

ÔN TẬP HỌC KÌ I

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các bài tập:

Tôi là đứa con bé nhất của mẹ Dẻ Gai trong rừng già, trên sườn núi cao cheo leo.

Mùa xuân đến, từ trên cánh tay và mái tóc của mẹ, từng nụ hoa dẻ nhú ra như quả cầu xanh có tua gai nhỏ. Rồi hoa lớn dần thành những trái dẻ xù xì gai góc. Anh chị em chúng tôi ra đời như thế đó.

Chúng tôi lớn lên trong mùa hè nắng lửa, mưa dông. Những cơn mưa ào đến gội ướt đẫm tóc mẹ và tắm mát cho chúng tôi. Nắng làm bỏng rát cả làn da và mái tóc của mẹ.

Khi thu về, trái dẻ khô đi, lớp áo gai đã chuyển sang màu vàng cháy. Hạt dẻ căng tròn làm nứt bung cả tấm áo gai xù đã quá chật chội.

Tôi vẫn nằm im trong lớp áo gai xù, nép vào một cánh tay của mẹ. Tôi chẳng muốn chui khỏi tấm áo ấm áp, an toàn đó chút nào.

Nhưng rồi những ngày thu êm ả cũng trôi qua.

Gió lạnh buốt bắt đầu thổi ù ù qua khu rừng. Gió vụn vụn những cánh tay dẻo dai của mẹ. Gió lay giật tấm thân vững chãi của mẹ. Nhưng mẹ vẫn bền gan đứng trên sườn núi cheo leo.

Khi mùa đông đến, tôi cứ thu mình mãi trong tấm áo gai xù ấm áp của họ nhà dẻ gai và nép mãi vào tay mẹ, tóc mẹ. Tôi sợ phải xa mẹ, sợ phải tự sống một mình. Tôi sợ những gì lạ lẫm trong rừng già. Nhưng tôi nghe tiếng mẹ thì thầm:

– Bé Út của mẹ, con nhỏ nhất nhà so với các anh chị nhưng con cũng đã lớn rồi đấy. Con là một bé dẻ gai rất khoẻ mạnh. Hãy dũng cảm lên nào, con sẽ bay theo gió và sẽ trở thành một cây dẻ cường tráng trong cánh rừng này nhé!

Tôi cố quấy mình... Tấm áo gai dày và ấm bắt chợt bung ra. Và tôi nhìn rõ cả cánh rừng già, cả sườn núi cao, cả bầu trời mây gió lồng lộng ào ạt trôi trên đầu mẹ. Hoá ra tôi là trái dẻ cuối cùng đang nép trên cánh tay vươn cao nhất của mẹ. Mẹ đưa tay theo chiều gió và thì thầm với riêng tôi: “Tạm biệt con yêu quý, hạt dẻ bé bỏng nhất của mẹ. Dù thế nào con cũng sẽ lớn lên, hãy dũng cảm và đón nhận cuộc sống mới nhé!”

Tôi bỗng thấy mình bay nhẹ theo làn gió, tung mình vào khoảng không bao la rồi rơi êm xuống thảm lá ẩm sục của rừng già... “Tạm biệt mẹ! Con yêu mẹ!” – tôi gọi với theo gió trước khi chìm vào giấc ngủ đông ấm áp. Và tôi mơ...

(Theo Phương Thanh Trang, trích *Câu chuyện của hạt dẻ gai*, tạp chí Văn học và tuổi trẻ, số 12 (465), 2020)

Bài tập 1. Chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi sau:

1. Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào?
 - A. Mẹ Dẻ Gai
 - B. Một cây dẻ trong rừng già
 - C. Một nhân vật trong câu chuyện
 - D. Nhân vật “tôi” – đứa con bé nhất của mẹ Dẻ Gai
2. Từ “chúng tôi” trong câu chuyện được dùng để chỉ những nhân vật nào?
 - A. Mẹ, hạt dẻ gai và các anh chị em
 - B. Nhân vật “tôi” và các anh chị em
 - C. Nhân vật “tôi” và các bạn trong rừng già
 - D. Những hạt dẻ gai trong rừng già
3. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu: “Và tôi nhìn rõ cả cánh rừng già, cả sườn núi cao, cả bầu trời mây gió lồng lộng ào ạt trôi trên đầu mẹ.”?
 - A. Ẩn dụ
 - B. Điệp ngữ
 - C. Hoán dụ
 - D. So sánh
4. Vì sao khi mùa đông đến, “tôi” cứ mãi thu mình trong tấm áo gai xù ấm áp?
 - A. Vì “tôi” nhỏ nhất nhà và chưa đủ lớn.
 - B. Vì “tôi” rất thích tấm áo gai xù ấm áp.
 - C. Vì “tôi” sợ gió lạnh, sợ mùa đông đến.
 - D. Vì “tôi” sợ xa mẹ, sợ tự lập và những gì lạ lẫm.

Bài tập 2. Trả lời các câu hỏi sau:

1. Nhân vật “tôi” thể hiện được những đặc điểm gì của nhân vật trong truyện đồng thoại?
2. Hãy tìm ba từ mà em cho là phù hợp để nêu bật đặc điểm của nhân vật “tôi”.
3. Nêu bài học cuộc sống mà em có thể rút ra từ câu chuyện của hạt dẻ gai trong đoạn trích.

VIẾT

Bài tập 1

Em hãy tưởng tượng những điều hạt dẻ gai gặp trong giấc mơ và sau giấc ngủ đông ấm áp. Hãy giúp nhân vật ấy kể tiếp câu chuyện của mình trong rừng già theo cách của em.

Bài tập 2

Những trải nghiệm của nhân vật “tôi” trong đoạn trích có thể gợi liên tưởng đến điều gì trong cuộc sống của em? Viết bài văn chia sẻ điều đó.

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

Trong vai hạt dẻ gai, em hãy tưởng tượng và kể lại những điều nhân vật gặp trong giấc mơ và sau giấc ngủ đông ấm áp.

Bài tập 2

Câu chuyện của hạt dẻ gai có thể gợi liên tưởng đến những trải nghiệm của em. Hãy chia sẻ những trải nghiệm đó với mọi người.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 1 TÔI VÀ CÁC BẠN

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1

- Nhân vật trong truyện là các loài côn trùng, chim. Cụ thể là Đế Mèn, Đế Choắt, Cào Cào, Gọng Vó, chị Cốc, chim Cắt,...
- Một số chi tiết Đế Mèn miêu tả, nhận xét về bản thân và Đế Choắt:
 - Đế Mèn tự nhận xét, miêu tả về mình: chàng đế thanh niên cường tráng; đôi càng mẫm bóng, cái vuốt ở chân nhọn hoắt, hai cái răng đen nhánh nhai ngoàm ngoạp như lưỡi liềm máy, râu dài và cong, rất hùng dũng; đi đứng oai vệ, điệu dún dẩy, cho mình là tài giỏi; quát mấy chị Cào Cào, đá anh Gọng Vó,...
 - Đế Mèn miêu tả, nhận xét về Đế Choắt: bả sinh yếu đuối, người gầy gò và dài lêu nghêu, râu ria cụt một mẩu, mặt mũi ngẩn ngẩn ngơ ngơ; cách đặt tên, cách xưng hô (*Đế Choắt, chú mày*) trịch thượng và chế giễu, không giúp đỡ mà mắng mỏ Đế Choắt.

Qua đó có thể nhận xét về nhân vật Đế Mèn: Đế Mèn là một chàng đế thanh niên cường tráng, khoẻ khoắn, tự tin, đầy sức sống, nhưng cũng rất kiêu ngạo, hung hăng, hiếu thắng, hay bắt nạt kẻ yếu.
- "Câu chuyện ân hận đầu tiên" mà Đế Mèn "ghi nhớ suốt đời" được kể trong phần (3) của văn bản, có thể tóm tắt như sau: Một buổi chiều, Đế Mèn ra đứng ở cửa hang xem cảnh hoàng hôn. Thấy chị Cốc từ dưới mặt nước bay lên, Đế Mèn rủ Đế Choắt trêu chị Cốc. Đế Choắt sợ hãi, khuyên Đế Mèn đừng trêu chị Cốc nhưng Đế Mèn không nghe. Chị Cốc nghe thấy tiếng hát trêu mình. Không thấy Đế Mèn mà chỉ thấy Đế Choắt đang loay hoay ở cửa hang, chị Cốc đã mổ chết Đế Choắt.
- Em viết một đoạn văn:
 - Dung lượng: 5 – 7 câu.
 - Nội dung: đóng vai nhân vật Đế Mèn, rút ra bài học đường đời đầu tiên của mình.

Gợi ý: Em có thể nêu bài học được khái quát trong lời kể của Dế Mèn (... *hung hăng, hống hách láo chỉ tổ đem thân mà trả nợ những cử chỉ ngu dại của mình thôi... nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc dại dột, dù về sau có hối cũng không thể làm lại được*) hoặc lời trăng trối của Dế Choắt (... *ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy*).

Bài tập 2

- Em tự đọc lại phần Tri thức ngữ văn để xác định người kể chuyện và ngôi kể.
- Em cần nêu được những hành động của nhân vật “tôi” trong đoạn trích:
 - Cà khịa, thậm chí to tiếng với tất cả bà con trong xóm.
 - Quát mắng chị Cào Cào.
 - Đá, trêu ghẹo anh Gọng Vó.

Những hành động đó thể hiện sự ngạo mạn, ngông cuồng, hống hách, thích bắt nạt của nhân vật Dế Mèn.

- Để trả lời câu hỏi này, em cần chú ý các từ ngữ Dế Mèn dùng để miêu tả, kể lại những hành động của mình (*làm điệu, dám cà khịa, to tiếng, quát, ngứa chân,...*); đọc kĩ các câu văn thể hiện cách nhìn nhận, đánh giá của Dế Mèn về bản thân (*Tôi tự lẫm; Ấy vậy, tôi cho là tôi giỏi. Những gã xốc nổi thường lẫm cử chỉ ngông cuồng là tài ba; Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi;...*).
- Tham khảo gợi ý sau:
 - Nhận xét về nhân vật “tôi”: có thái độ tự tin, ngạo mạn, vô lễ, hống hách với mọi bà con trong xóm và hay bắt nạt kẻ yếu thế,...
 - Dựa vào gợi ý nhận xét ở trên, em có thể nêu điều mình thích hoặc không thích ở nhân vật Dế Mèn; chú ý giải thích rõ lí do.

5. HS tự làm.

6. Đáp án:

Từ ghép	Từ láy
<i>khuôn mặt, nhánh cỏ, ghê gớm, đứng đầu</i>	<i>thình thoảng, lẫm lẫm</i>

Bài tập 3

- HS tự làm.
- Khi chị Cốc lao vào mổ Dế Choắt, Dế Mèn đã “nằm im thít”. Hành động đó cho thấy sự hèn nhát và vô trách nhiệm của Dế Mèn.

3. Để trả lời câu hỏi này, hãy chú ý cách Dế Mèn gọi mình là “đứa ích kỉ”, cách nhân vật “tôi” miêu tả những hành động, suy nghĩ của bản thân: “Núp tận đáy đất mà tôi cũng khiếp, nằm im thít... Biết chị Cốc đi rồi, tôi mới mon men bò lên.”. Căn cứ vào những lời kể đó, có thể thấy Dế Mèn đã biết ân hận, xấu hổ về lỗi lầm của chính mình.
4. Trò “nghịch ranh” của Dế Mèn xuất phát từ ý nghĩ “vui chơi” tưởng là vô hại nhưng đã gây nên hậu quả nghiêm trọng: Dế Choắt bị mổ chết. Từ trải nghiệm này, nhân vật “tôi” đã rất hối hận, ăn năn và rút ra bài học: hung hăng, hống hách láo chỉ tổ đem thân mà trả nợ những cử chỉ ngu dại của mình; nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra việc dại dột, dù về sau có hối cũng không thể làm lại được. Em căn cứ vào trải nghiệm cá nhân để chia sẻ về ý nghĩa của bài học.
5. Từ láy và nghĩa của từ láy trong các câu:
 - a. *Loay hoay*: thử đi thử lại bằng nhiều cách để cố làm cho được một việc gì đó.
 - b. *Mon men*: tiến đến, nhích lại từng quãng ngắn một cách dè dặt, thận trọng.
6. Câu văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh: “*Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất*”. So sánh mỏ chị Cốc như cái dùi sắt có thể chọc xuyên cả đất có tác dụng tô đậm sự tức giận và sức mạnh ghê gớm của chị Cốc đã dẫn đến cái chết thảm thương của Dế Choắt.

Bài tập 4

1. Để thực hiện bài tập này, em căn cứ vào hình thức xuất hiện của người kể chuyện (xưng “tôi” và kể về những gì mình trực tiếp chứng kiến, tham gia hoặc “giấu mình”, không tham gia vào câu chuyện,...).
2. Để xác định vị trí của đoạn trích, em có thể dựa vào các chi tiết như:
 - Thời gian, không gian: *mấy hôm sau, về tới quê nhà.*
 - Hình ảnh cái hang bị bỏ hoang của Dế Mèn.
 - Sự việc đầu tiên mà Dế Mèn kể lại cho mẹ nghe: *Bắt đầu từ chuyện anh Dế Choắt khốn khổ bên hàng xóm.*
3. Mẹ Dế Mèn vui mừng vì con đã trở về sau bao nguy hiểm; tự hào khi thấy con biết học hỏi từ những sai lầm để trưởng thành; yên tâm vì con đã vững vàng sau nhiều thử thách;...
4. Em đọc kĩ lời nói của mẹ Dế Mèn; tìm câu văn có chứa điều khiến mẹ Dế Mèn “vui mừng nhất”.
5. Em hãy tham khảo gợi ý sau để trình bày cảm nhận về nhân vật Dế Mèn ở đoạn trích trong bài tập 4 và tìm ra sự khác biệt lớn nhất ở Dế Mèn trong hai đoạn trích:

– Dế Mèn trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* kiêu căng, ngạo mạn, bắt nạt, coi thường người khác, nghịch ranh gây ra hậu quả nặng nề,...

– Dế Mèn trong đoạn trích ở bài tập 4 đã trải qua nhiều hiểm nguy, thử thách và cả những sai lầm. Đặc biệt, Dế Mèn đã biết nhận ra những lỗi lầm, biết học hỏi để tự hoàn thiện bản thân, để trưởng thành: “rèn được tấm lòng chín chắn thật đáng làm trai”.

6. Kẻ bảng và điền các từ vào ô phù hợp.

Gợi ý:

TỪ ĐƠN	TỪ PHỨC	
	TỪ GHÉP	TỪ LÁY
<i>mẹ, mừng,...</i>	<i>mạnh khoẻ,...</i>	<i>khốn khổ,...</i>

7. Giải thích nghĩa các từ:

a. *Trúng nước*: ở thời kì mới sinh ra chưa được bao lâu, đang còn non nớt, cần được chăm sóc, bảo vệ.

b. *Tu tỉnh*: nhận ra lỗi lầm của bản thân và tự sửa chữa.

Bài tập 5

1. Những câu văn thể hiện cảm giác ngạc nhiên của hoàng tử bé khi nhìn thấy cả một vườn hoa hồng:

– *Các bạn là ai? – Cậu ngơ ngác hỏi chúng.*

– *A! – Hoàng tử bé thốt lên...*

2. Hoàng tử bé ngạc nhiên khi nhìn thấy khu vườn đầy hoa hồng vì bông hồng trên hành tinh của cậu khẳng định rằng nó là bông hồng duy nhất trong vũ trụ và cậu luôn tin vào điều đó.

3. Khi biết rằng có đến “năm ngàn bông hoa” chỉ trong một khu vườn, hoàng tử bé đã cảm thấy rất buồn bã, thất vọng, đau khổ.

4. Để trả lời câu hỏi số 4, em cần dựa vào nội dung sự việc được kể trong đoạn trích này (hoàng tử bé vừa đặt chân tới Trái Đất, nhìn thấy khu vườn đầy hoa hồng, đau khổ vì thấy bông hồng của cậu không phải là duy nhất...) và đoạn trích *Nếu cậu muốn có một người bạn...* (sau khi kết bạn, trò chuyện với cáo, hoàng tử bé đã hiểu ra rằng năm ngàn bông hồng kia không hề giống với bông hồng trên hành tinh của cậu; rằng bông hồng của cậu là duy nhất trên đời...).

5. Để trả lời câu hỏi số 5, em đọc lại phần kết của đoạn trích *Nếu cậu muốn có một người bạn...* và tham khảo các câu hỏi gợi ý sau:
 - Món quà bí mật cáo tặng cho hoàng tử bé là gì? Hoàng tử bé đã nói gì với những bông hồng trên Trái Đất?
 - Hoàng tử bé đã nhắc lại những lời nào của cáo? Cậu có còn buồn bã, đau khổ như lúc chưa gặp cáo không?
6. Giải thích nghĩa của ba từ láy:
 - *Ngơ ngác*: trạng thái ngạc nhiên, hoang mang trước sự việc quá bất ngờ hoặc trước quang cảnh xa lạ.
 - *Buồn bã*: cảm giác, tâm trạng buồn.
 - *Lúng túng*: không biết nói năng, xử trí, hành động như thế nào.
7. Em dựa vào các từ được giải nghĩa ở câu số 6 để đặt câu.

Bài tập 6

1. Nhân vật cáo giữ vai trò chủ động trong cuộc đối thoại.
2. Bí mật mà cáo chia sẻ với hoàng tử bé: "Người ta chỉ thấy rõ với trái tim. Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần."
3. "Thấy rõ với trái tim" là biết quan sát, cảm nhận, đánh giá về bạn bè và mọi người xung quanh với thái độ tôn trọng, cảm thông, thấu hiểu; với tình cảm yêu thương, gắn bó.

"Mắt trần" là hình ảnh ẩn dụ cho cái nhìn hời hợt, nông cạn, thiếu sự cảm thông, thấu hiểu nên chỉ thấy được vẻ bề ngoài. Trong khi đó những điều quan trọng nhất (cảm xúc, tình cảm, tâm hồn của mỗi con người) lại tồn tại "vô hình". Vì vậy, nếu chỉ "nhìn" bằng con mắt bình thường, không có sự gắn kết, chia sẻ, thì sẽ không thể thấy được "điều cốt lõi" ấy.
4. Thời gian là tài sản vô giá của con người và chúng ta thường xuyên cảm thấy không có đủ thời gian. Nhưng muốn ai đó trở thành bạn, chúng ta cần dành thời gian để tìm hiểu, gắn bó và yêu quý người đó. Vì vậy, việc hoàng tử bé dành thời gian để quan tâm, chăm sóc, lắng nghe bông hồng của cậu đã khiến bông hồng ấy trở thành "duy nhất", quan trọng nhất so với mọi bông hồng trong vũ trụ.
5. Những lời nói của cáo thể hiện sự thông minh, sâu sắc, từng trải và cả tình bạn chân thành dành cho hoàng tử bé.
6. Đây là câu hỏi kết nối với trải nghiệm cá nhân nên em tự do lựa chọn và chia sẻ một bài học nào đó đã nhận được từ bạn bè của mình.

7. Từ ghép: *trách nhiệm, cảm hoá*; từ láy: *mãi mãi*.
8. Tham khảo một số từ như:
 - *Vô biên*: rộng lớn đến mức như không có giới hạn.
 - *Vô bổ*: không mang lại lợi ích gì.
 - *Vô lí*: không có lí, không hợp lẽ phải.
 - *Vô lễ*: không có lễ độ với người trên.

Bài tập 7

1. Để thực hiện bài tập này, em căn cứ vào hình thức xuất hiện của người kể chuyện: Người kể chuyện xưng “tôi” và kể về những gì mình trực tiếp chứng kiến, tham gia hay “giấu mình”, không tham gia vào câu chuyện?
2. Em đọc kĩ văn bản và chỉ ra những việc Lai-ca đã rủ và “xúi” nhân vật “tôi” làm. Chú ý các chi tiết sau: *hắn đã vội giục tôi nhằn chiếc dép của mẹ chị Ni; hắn còn lên vào phòng tắm đánh cắp cục xà phòng và hờn hờ tha vào dưới gầm tủ; hắn hào hứng rủ tôi gặm...; thằng Lai-ca cũng kịp bày cho tôi cái trò nháy chồm chồm trong giờ ăn.*
3. Em trả lời câu hỏi này dựa trên các chi tiết đã tìm được khi trả lời câu hỏi số 2. Gợi ý: Những hành động của Lai-ca cho thấy đây là một chú chó rất tinh nghịch, hiểu động.
4. Để nhận xét về thái độ của “tôi” với Lai-ca, em cần căn cứ vào thái độ của “tôi” khi mới gặp Lai-ca, việc tham gia vào các trò nghịch ngợm của Lai-ca và lời đánh giá trực tiếp của “tôi” về người bạn mới, Lai-ca.
Gợi ý:
 - Ngay lần đầu gặp gỡ, “tôi” và thằng Lai-ca đã sung sướng nhìn nhau như thể nhìn vào gương.
 - “Tôi” và Lai-ca hào hứng thi nhau gặm đồ vật.
 - “Tôi” đánh giá Lai-ca là một đứa bạn hấp dẫn.
5. Em có thể đồng tình hoặc không đồng tình với suy nghĩ của nhân vật “tôi” trong đoạn trích. Nhưng em cần lí giải được quan điểm của mình.
Gợi ý: Em đồng tình với suy nghĩ của nhân vật “tôi” vì Lai-ca và “tôi” rất giống nhau (*hai đứa tôi giống nhau quá sức*) và một người bạn tinh nghịch, hiểu động thường mang đến cho ta nhiều điều bất ngờ, thú vị,...
6. Đọc các câu và tìm từ láy.
Gợi ý: *hờn hờ, nhóp nhóp, ngẩn ngủi, chồm chồm.*
7. Em có thể tra từ điển hoặc căn cứ vào các từ ngữ đứng trước và sau từ *tinh bơ* để giải nghĩa từ.

Gợi ý:

Tinh bơ: tỏ ra như hoàn toàn không có gì xảy ra trước việc lẽ ra phải chú ý, phải có phản ứng.

Các từ đồng nghĩa: *tĩnh khô, tĩnh queo, phớt lờ,...*

Bài tập 8

1. Tìm các từ ngữ mà nhân vật “tôi” đánh giá về cậu bạn Bi-nô.

Gợi ý: *một đứa bạn thông thái cũng hấp dẫn không kém; không chỉ loài người, bọn cún chúng tôi cũng bị chinh phục bởi sự thông tuệ;...*

2. Chú ý các câu văn nói về trải nghiệm thú vị của “tôi” và Bi-nô.

Gợi ý: *Bi-nô bảo tôi thế và nó dẫn tôi đến dưới mái tôn che dọc hành lang chạy xuống bếp, chui vào dưới chạn thức ăn, nằm nghe mưa.*

3. Em cần dựa vào một số từ ngữ để nhận xét về cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật “tôi” khi nghe mưa. Chú ý vào các từ ngữ: *rúm người lại, run bần bật, đuôi cụp vào, nỗi sợ qua đi, lặng lẽ ngắm mưa, sung sướng, cảm giác thư thái và êm đềm,...*

4. Em có thể lí giải: Nhân vật “tôi” cảm nhận khoảnh khắc ngắm mưa “thật là quý giá” vì “tôi” chưa bao giờ nghe mưa dưới mái tôn; nhân vật “tôi” đã mở mọi giác quan để cảm nhận âm thanh, vẻ đẹp tuyệt vời của tự nhiên; “tôi” nghe tiếng mưa rơi cùng người bạn thông thái Bi-nô; khi nghe mưa, “tôi” cảm thấy tâm hồn thư thái, nhẹ nhõm, thấy cuộc sống đẹp và thơ mộng biết bao;...

5. Yêu cầu của đoạn văn:

– Dung lượng: 5 – 7 câu.

– Nội dung: miêu tả một khoảnh khắc từng khiến em có được những cảm xúc tuyệt vời.

6. Em tìm thêm những từ láy mô phỏng âm thanh tiếng mưa.

Gợi ý: *rào rào, ào ào, tí tách,...*

7. Biện pháp tu từ so sánh trong đoạn trích từ *Những hạt mưa đến đê bẹp chúng tôi*: Âm thanh tiếng mưa gõ vào mái tôn được so sánh như hàng ngàn con ngựa phi ngay trên đầu, như ông trời đứng rải đá từ trên cao, như ai đó đang thét gào giận dữ, như mái nhà sắp sập xuống,...

Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh: cụ thể hoá tiếng mưa rơi, nhấn mạnh âm thanh to, dữ dội, ào ạt của tiếng mưa rơi trên mái tôn.

VIẾT

Em có thể tóm tắt bài văn theo các ý:

– Thời gian, không gian xảy ra câu chuyện: buổi sáng sớm đầu mùa hạ, trong bếp.

- Các nhân vật trong câu chuyện: nhân vật “tôi” – người kể chuyện, Miu Xám, chim chào mào má đỏ.
- Hệ thống sự việc trong câu chuyện:
 - + Sự việc 1: Nhân vật “tôi” bị đánh thức bởi tiếng “Meo! Meo!” của Miu Xám và vội chạy xuống bếp thì thấy Miu Xám tha về một chú chim.
 - + Sự việc 2: “Tôi” giải cứu cho chú chim. Chú chim nằm lả ra, không cựa quậy khiến “tôi” rất buồn và nghĩ là chú chim đã chết.
 - + Sự việc 3: Chú chim chào mào giả chết bay vút qua ô cửa sổ. Cảm xúc của “tôi” khi sự việc xảy ra: thương chú chim khi tưởng chú đã chết; kinh ngạc, sung sướng khi chú chim bay vút qua ô cửa thoát thân.
- Kết thúc câu chuyện: Mỗi khi nghe tiếng chim, nhân vật “tôi” lại mong được gặp lại chú chim chào mào má đỏ thông minh, can đảm. “Tôi” cũng đeo vào cổ Miu Xám một cái vòng có gắn ba quả chuông nhỏ xíu để không chú chim nào bị trở thành con mồi của nó nữa.
- Cảm xúc của “tôi” khi kể lại câu chuyện: vui sướng, chờ mong.

NÓI VÀ NGHE

- Em hãy xem lại hướng dẫn nói và nghe “Kể lại một trải nghiệm của em” trong bài 1. *Tôi và các bạn* và thực hành nói theo các bước: trước khi nói, trình bày bài nói, sau khi nói.
- Em có thể trình bày trước người thân hoặc nhóm bạn để nhận được các góp ý; từ đó hoàn thiện bài trình bày của mình.

VỀ THỰC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 2

GỖ CỬA TRÁI TIM

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1

- Theo lời kể của nhà thơ, vì trẻ con mà các sự vật, hiện tượng như mặt trời, cỏ cây, hoa, chim, làn gió, sông, biển, cá tôm, cánh bướm, đám mây, con đường,... được sinh ra.
- Những biện pháp tu từ nhà thơ sử dụng để miêu tả thiên nhiên và tác dụng của những biện pháp tu từ đó:
 - Biện pháp tu từ so sánh trong những dòng thơ *Cây cao bằng gang tay/ Lá cỏ bằng sợi tóc/ Cái hoa bằng cái cúc* gợi cảm giác mọi sự vật đều nhỏ bé, xinh xắn, dễ thương và rất đỗi gần gũi với thế giới trẻ thơ.
 - Biện pháp tu từ so sánh trong những dòng thơ *Tiếng hát trong bằng nước/ Tiếng hát cao bằng mây* có tác dụng giúp người đọc cảm nhận được một cách cụ thể sự trong trẻo và cao vút của tiếng chim.
 - Biện pháp tu từ nhân hoá trong dòng thơ *Những làn gió thơ ngây* khiến làn gió mang vẻ đáng yêu, hồn nhiên của trẻ thơ.
 - Biện pháp tu từ điệp ngữ trong những dòng thơ *Biển có từ thuở đó/ Biển thì sinh ý nghĩ/ Biển sinh cá sinh tôm/ Biển sinh những cánh bướm* nhấn mạnh sự hào phóng của thiên nhiên trong việc tạo sinh vạn vật để nuôi dưỡng, khơi gợi những ước mơ, khát vọng của trẻ con.

Các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ đã nhấn mạnh ý: trẻ em được sống trong một thế giới tuyệt đẹp, vạn vật được sinh ra là để dành cho trẻ em và vì trẻ em mà dâng hiến hết mình, dành tặng những gì đẹp đẽ, đáng yêu nhất.
- Trẻ thơ được yêu thương, dành tặng những gì đẹp đẽ nhất. Vì vậy, các em cũng cần có ý thức, trách nhiệm và biết trân trọng những gì mình nhận được.

Bài tập 2

- Em đọc kĩ văn bản, tìm những dòng thơ miêu tả hai cha con. Ví dụ:
 - + Hai cha con bước đi trên cát
 - + Bóng cha dài lênh khênh
 - + Bóng con tròn chắc nịch
 - + Cha dắt con đi dưới ánh mai hồng
 - + Nghe con bước, lòng vui phơi phới.

– Hình ảnh bóng cha cao lớn, bóng con thấp tròn chắc nịch gợi liên tưởng đến sự từng trải trong cuộc đời của cha, tương phản với sự thơ ngây, trong trẻo của con.

Hình ảnh "*Cha dắt con đi dưới ánh mai hồng*" thể hiện tình yêu con rất riêng của người cha. Hình ảnh đó cũng thể hiện niềm tin tưởng của người cha vào tương lai ngời sáng của con. Có cha dìu dắt, con nhất định sẽ vững bước và trưởng thành. Hình ảnh thân mật đầy yêu thương của cha và con gợi lên trong người đọc niềm xúc động sâu xa.

2. Hai cha con dạo chơi trên bờ biển vào buổi sớm mai. Nhà thơ đã tái hiện khung cảnh thiên nhiên rực rỡ sắc màu. Bình minh trên biển có cát trắng mịn, nước biển xanh trong, nắng vàng óng ả. Tất cả các màu sắc hoà trộn vào nhau tạo thành bức tranh ban mai tươi hồng.

3. Nhà thơ sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả để biểu hiện rõ hơn khung cảnh cuộc dạo chơi và cảm xúc của hai cha con.

– Yếu tố tự sự: Nhà thơ kể lại sự việc hai cha con đi dạo trên bờ biển và cuộc trò chuyện của họ.

– Yếu tố miêu tả: Nhà thơ miêu tả cảnh biển buổi sớm mai với sắc màu, hình ảnh, ánh sáng,...

4. Trong bài thơ, hình ảnh cánh bướm chứa đựng nhiều ý nghĩa.

– Cánh bướm tượng trưng cho những ước mơ, khát vọng, hoài bão,... của bao thế hệ. Đó là cánh bướm của con thuyền chở ước mơ của tuổi thơ đi đến những chân trời mới, cuộc sống mới, khát vọng mới.

– Cánh bướm cũng tượng trưng cho tinh thần, ý chí sẵn sàng đương đầu với thử thách, đối mặt với sóng gió để vươn tới thành công.

– Hình ảnh những cánh bướm trên biển buổi sớm mai sau trận mưa đêm là một hình ảnh đẹp, lãng mạn. Trận mưa đêm gợi liên tưởng tới những âm u, ảm đạm đã qua, nhường chỗ cho một bình minh tươi sáng, rực rỡ, ấm áp, hứa hẹn một tương lai với bao điều tốt đẹp.

5. Cha nghe con nói về ước mơ theo cánh bướm đi đến những nơi xa, tưởng như con đã nói hộ những nỗi niềm còn ẩn kín trong lòng về những say mê và khát vọng thời trai trẻ: ước vọng được đặt chân đến mọi miền đất nước để khám phá những điều mới mẻ.

6. Tình cảm cha dành cho con có những biểu hiện rất riêng. Nếu tình yêu của mẹ dành cho con chủ yếu thể hiện ở sự chăm sóc tỉ mỉ trong cuộc sống hàng ngày thì tình cảm của cha dành cho con thể hiện ở sự truyền thụ tri thức;

nuôi dưỡng ý chí, khát vọng, phấn đấu biến ước mơ thành hiện thực; bản lĩnh sống mạnh mẽ, kiên cường.

7. Nhà thơ sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ (*có cây, có cửa, có nhà*), nhằm khẳng định niềm tự hào, niềm tin và khát vọng của cha về một miền đất xa xôi, trù phú của đất nước.
8. Có thể kết hợp từ *nhìn* với *con bước lòng vui phơi phới*, tuy nhiên, nhà thơ sử dụng từ *nghe* với dụng ý thể hiện tình cảm gắn bó máu thịt giữa cha và con. Hành động của cha không phải là một hoạt động vật lí của giác quan. Cha đã “nghe con bước” bằng trái tim đầy yêu thương. Từ *nghe* thể hiện sự tinh tế của tác giả trong việc sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ (chuyển đổi cảm giác). Do vậy, không thể thay thế *nghe* bằng từ khác.
9. – *Rực rỡ*: dùng để chỉ vẻ đẹp của ánh mặt trời. Mặt trời sớm mai chiếu ánh sáng lấp lánh, vàng rực lên biển xanh. Vẻ đẹp ấy tượng trưng cho tương lai tươi sáng, rộng mở của con.
 - *Lênh khênh*: từ láy tượng hình dùng để diễn tả cái bóng cao lớn của cha, qua đó nói lên vai trò che chở, bảo vệ và nâng đỡ để con trưởng thành.
 - *Rả rích*: từ láy tượng thanh dùng để tả trận mưa đêm nhưng nó cũng ẩn dụ cho những gì lạnh lẽo, tối tăm đã qua, đối lập với buổi bình minh lộng lẫy hiện tại, cho thấy niềm tin của cha vào tương lai tốt đẹp của con.
 - *Phơi phới*: có tác dụng nhấn mạnh niềm vui trào dâng trong lòng người cha khi thấy con tiếp bước mình thực hiện ước mơ.

Bài tập 3

1. Em liệt kê những chi tiết miêu tả nhân vật Kiều Phương, gợi ý:

<p>Ngoại hình</p> <p>– Mặt mũi lem nhem màu vẽ</p> <p>– ...</p>	<p>Hành động</p> <p>– Hay lục lọi, tự pha chế màu vẽ</p> <p>– ...</p>
<p>Lời nói</p> <p>– “Em muốn cả anh cũng đi nhận giải”</p> <p>– ...</p>	<p>Thái độ</p> <p>– Thân thiện, hồn nhiên, vừa làm vừa hát, vui vẻ</p> <p>– ...</p>

2. Bức tranh *Anh trai tôi* của Kiều Phương đã khiến nhân vật “tôi” thay đổi. Hình ảnh cậu bé trong bức tranh của bé Mèo với khuôn mặt “toả ra một ánh sáng rất lạ” đã giúp người anh trai thấy được sự nhỏ nhen, ích kỉ của mình và đồng thời nhận ra ánh sáng của lòng nhân ái và tình yêu thương.

3. Các từ phức: *giật sững, ngỡ ngàng, hãnh diện, xấu hổ* được nhà văn dùng để miêu tả diễn biến tâm trạng của người anh khi xem bức chân dung của mình do em gái vẽ. Thoạt tiên, người anh *giật sững* người vì quá bất ngờ khi thấy em gái vẽ mình. Từ láy *ngỡ ngàng* nhấn mạnh cảm xúc bất ngờ của người anh. Từ ghép *hãnh diện* thể hiện tâm trạng tự hào của người anh khi thấy bức tranh vẽ mình được treo trong phòng trưng bày. Từ *xấu hổ* khép lại diễn biến tâm trạng của nhân vật khi nhận ra bản thân dường như không tương xứng với cậu bé đẹp đẽ trong bức tranh của em gái.

Bài tập 4

1. Nhan đề *Trường hoa* có thể gợi lên nhiều liên tưởng:
 - Trường học có nhiều hoa rất đẹp.
 - Ngôi trường của các loài hoa.
 - Ngôi trường của các em bé đẹp như hoa.
 - Ngôi trường đẹp như hoa.
2. – Trong bài thơ, em bé đang nói chuyện với mẹ và kể cho mẹ một câu chuyện tưởng tượng thú vị về các loài hoa.
 - Em bé kể lại câu chuyện tưởng tượng về một ngôi trường trong lòng đất của các loài hoa. Ở đó, hoa cũng đi học. Mùa mưa là mùa nghỉ hè, các loài hoa đột nhiên ùa ra sân chơi, ấy là mặt đất. Các loài hoa mặc áo rực rỡ đủ sắc màu, nhảy múa, chơi đùa vui vẻ như các em học sinh. Buổi chiều, hoa tàn, các cánh hoa theo gió bay lên không trung nên em bé tưởng tượng rằng, hoa cũng như em, tan học, hoa vội về nhà của hoa ở trên trời. Chúng đi rất vội vã vì biết rằng có vòng tay mẹ đang mở rộng chờ đón ở nhà.
3. Theo lí giải của em bé, hoa hăm hở về trời vì nơi đó là nhà của chúng. Chúng biết mẹ đang nóng lòng chờ mình trở về sau mỗi buổi học. Chúng vội về nhà vì yêu mẹ, không muốn mẹ lo lắng; muốn được sà vào vòng tay mẹ yêu thương.
4. Em bé trong bài thơ mượn câu chuyện của hoa để nói lên tình yêu đối với mẹ của các em bé nói chung và của em nói riêng.
5. – Những dòng thơ kể về hoa:
 - + *Khi ấy, từng bầy hoa không ai biết từ đâu chọt nảy sinh, đến nhảy múa say vui trên thảm cỏ.*
 - + *Mẹ ạ, thực bụng con nghĩ rằng hoa đi học trong lòng đất.*
 - + *Lớp của chúng kín cửa, và bông nào muốn ra sân chơi sớm thì thầy giáo bắt đứng một xó.*
 - + *Mùa mưa tới là kì nghỉ hè của chúng.*

+ *Cành chen nhau trong rừng, lá xào xạc trong gió đại, sấm vỗ tay reo mừng, và những hoa con ùa ra với áo hồng, vàng hay trắng toát.*

+ *Mẹ có biết không, nhà chúng ở trên trời cùng với muôn sao.*

+ *Mẹ có thấy không, chúng hăm hở về trời xiết bao? Mẹ có biết tại sao chúng vội vã thế không?*

+ *Hẳn là con cũng đoán ngay được chúng giơ tay đón ai; chúng cũng có mẹ như con có vậy.*

– Trong những dòng thơ đó, nhà thơ đã dùng biện pháp tu từ nhân hoá, khiến người đọc liên tưởng những bông hoa với các em bé, cánh đồng hoa với trường học của các em bé. Giữa các em bé và những bông hoa có nhiều điểm tương đồng nên không phải ngẫu nhiên mà người ta gọi tuổi thơ là "tuổi hoa", "hoa niên",... Trẻ em tươi đẹp, rục rờ, sinh động như hoa. Hoa rung rinh trong gió như các em vui say ca múa. Hoa xuất hiện trên mặt đất theo mùa như các em được nghỉ ngơi, vui chơi theo kì (nghỉ hè). Những cánh hoa tàn theo gió bay lên không trung như các em hăm hở về nhà với mẹ sau một ngày đi học ở trường. Nghệ thuật nhân hoá nhấn mạnh vẻ đáng yêu và dễ thương của cả hoa và các em bé.

6. Nhà thơ Ta-go rất yêu trẻ thơ, ông nâng niu, trân trọng những gì đẹp đẽ trong các em với một tấm lòng bao dung, độ lượng và cái nhìn thiết tha trìu mến.

Ông thấu hiểu trẻ và đã khắc họa trong thơ mình một thế giới trẻ thơ vô cùng dễ thương. Qua cái nhìn trìu mến của nhà thơ, trẻ em hiện lên với tất cả sự ngây thơ, trong sáng, giàu tình cảm, thông minh và sáng tạo, như là những thiên sứ mang thông điệp yêu thương đến với mặt đất này.

Bài tập 5

1. Bài thơ là lời nhắn nhủ của cha mẹ với những đứa con.

2. – Những dòng thơ nói về "nhà" trong bài thơ:

+ *Nơi thung sâu khơi nguồn ngọn gió.*

+ *Nơi sớm chiều vẫn nhen ngọn lửa.*

+ *Suối trong con tắm mình thuở bé*

– Những dòng thơ này khiến "nhà" hiện lên thật thân thương, gần gũi và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với mỗi người. Đó là nơi cuộc sống của mỗi người bắt đầu, là nơi mang lại cho con người hơi ấm của tình yêu thương, nuôi dưỡng những cảm xúc trong trẻo cho tâm hồn.

3. Biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong bài thơ khiến cho lời nhắn nhủ của cha mẹ với con cái trở nên tha thiết: hãy luôn nhớ về những người thân, gia đình, quê hương.

4. "Phương trời xa thăm", "mặt trời cháy đỏ", "ngôi sao xanh biếc" là những hình ảnh ẩn dụ gợi liên tưởng tới những xứ sở xa xôi, đẹp đẽ, huyền bí, những điều mới mẻ hấp dẫn, vẫy gọi con người; những hình ảnh đó cũng có thể gợi liên tưởng đến những thành công mà mỗi con người đạt được.
5. Những lời nhắn nhủ trong bài thơ khơi gợi trong mỗi người tình cảm yêu thương, sự gắn bó tha thiết với gia đình, quê hương.

Bài tập 6

1. Đọc bài thơ, ta như được nghe một câu chuyện. Người kể xưng "con", kể cho mẹ nghe chuyện về những cây cầu sau khi nhận "thư cha" kèm theo bức ảnh chụp cây cầu mà người cha mới xây xong. Cây cầu của cha gợi lên trong người con hình ảnh về những cây cầu gắn với bao kỉ niệm đẹp đẽ, thân thương.
2. Từ "cái cầu của cha", bạn nhỏ liên tưởng đến nhiều cây cầu khác như:
 - Cầu tơ nhỏ con nhện bắc để qua chum nước.
 - Cầu ngọn gió con sáo bắc để sang sông.
 - Cầu lá tre con kiến bắc để qua ngòi.
 - Cầu vồng bắc ngang trời khi trời nổi gió.
 - Cái cầu tre bắc qua sông máng.
 - Cái cầu treo lối sang bà ngoại.
 - Cái cầu ao mẹ thường đi đi.

Những cây cầu nối đôi bờ xa cách, giúp những con người, những miền quê gần gũi nhau hơn. Những cây cầu cũng tô điểm thêm cho vẻ đẹp của quê hương, đất nước. Với bạn nhỏ, những cây cầu nhỏ bé cũng là nơi ghi dấu bao kỉ niệm thân thương về gia đình, người thân.

3. Nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ, lặp đi lặp lại từ *yêu* (6 lần). Biện pháp tu từ này đã nhấn mạnh tình yêu tha thiết của bạn nhỏ dành cho những cây cầu.
4. Trong lời kể của bạn nhỏ, cây cầu nào cũng có vẻ độc đáo, đáng yêu riêng. Nhưng bạn nhỏ yêu nhất là cây cầu trong bức ảnh của cha, là "cái cầu của cha".

Đối với mẹ, đó là cầu Hàm Rồng bắc qua sông Mã – cây cầu đóng vai trò vô cùng quan trọng: chi viện cho miền Nam kháng chiến. Chiếc cầu là chứng nhân của biết bao chiến công anh hùng của quân và dân tỉnh Thanh Hoá nói riêng và của dân tộc Việt Nam nói chung trong những năm tháng chiến tranh. Đối với bạn nhỏ thì đó là cây cầu của cha, do chính cha bắc cho xe lửa chạy qua sông sâu. Điều đó khiến cây cầu vốn xa lạ trở nên gần gũi và thân thương. Nói tình yêu quê hương, đất nước bắt nguồn từ tình yêu đối với những điều bình dị nhất là vì vậy.

5. Hình ảnh những cây cầu giản dị, thân thương, mộc mạc, chân chất gợi nhắc những kỉ niệm chứa đựng tình cảm của bạn nhỏ đối với cha mẹ, gia đình, quê hương, đất nước. Vì vậy, tình cảm của bạn nhỏ đối với những cây cầu cũng thể hiện tình yêu, niềm tự hào về cha mẹ, gia đình, quê hương, đất nước.
6. – Hình ảnh người cha xuất hiện trong bài thơ là một người đi xây cầu, góp phần xây dựng Tổ quốc. Vì tính chất công việc, vì tinh thần trách nhiệm với công cuộc kiến thiết đất nước, người cha thường xuyên phải xa nhà. Nhưng ông luôn dành tình cảm cho gia đình. Mỗi lần hoàn thành công việc, người cha không quên chia sẻ niềm vui, niềm tự hào với những người thân trong gia đình qua những bức ảnh, những lá thư.
- Người mẹ là một nông dân, sống ở nông thôn, nhiệt tình tham gia lao động sản xuất, chẳng quản các công việc đồng áng nặng nhọc của hợp tác xã. Đó cũng là một người mẹ giàu tình yêu thương, luôn chăm lo cho gia đình.

VIẾT

Bài tập 1

- Về hình thức: viết đoạn văn từ 7 đến 10 câu; lưu ý trình bày theo đúng quy cách: mở đầu bằng chữ viết hoa, lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm câu.
- Về nội dung: nêu được cảm xúc về nội dung và một số yếu tố hình thức nghệ thuật nổi bật của bài thơ *Trường hoa* (tình mẫu tử thiêng liêng, cách sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả, biện pháp tu từ nhân hoá,...).

Bài tập 2

- Về hình thức: tương tự như đoạn văn ở bài tập 1.
- Về nội dung: nêu được cảm xúc về nội dung và một số yếu tố hình thức nghệ thuật nổi bật của bài thơ *Cái cầu* (tình cảm gia đình gắn với tình yêu quê hương, đất nước; cách sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả, biện pháp tu từ điệp ngữ,...).

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

- Đọc lại nhiều lần bài viết thể hiện cảm xúc sau khi đọc bài thơ *Trường hoa*. Đánh dấu những nội dung quan trọng em không thể bỏ qua khi nói:
- + Giới thiệu bài thơ, tác giả và nêu cảm nghĩ chung về bài thơ.
 - + Nêu rõ cảm xúc, ấn tượng về những giá trị nội dung và đặc điểm nghệ thuật nổi bật của bài thơ.

- + Khái quát lại cảm nghĩ của em về bài thơ.
- Trình bày bài nói theo các ý đã chuẩn bị.

Bài tập 2

- Em có thể chuẩn bị nội dung bài nói theo gợi ý:
- + Nêu rõ suy nghĩ của em về tình cảm gia đình được thể hiện trong bài thơ *Cái cầu* của Phạm Tiến Duật.
- Em thấy tình cảm gia đình được thể hiện trong bài thơ như thế nào?
- Tình cảm của bạn nhỏ đối với cha mẹ và tình cảm của cha mẹ đối với bạn nhỏ thể hiện như thế nào?
- Em thấy tình cảm đó có gì đặc biệt?
- + Trình bày suy nghĩ chung của em về tình cảm gia đình:
- Vai trò của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, bồi đắp tình cảm gia đình;
- Ý nghĩa của tình cảm gia đình đối với mỗi cá nhân.
- + Khái quát được giá trị của tình cảm gia đình cũng như trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc xây dựng tình cảm gia đình; mối quan hệ giữa tình cảm gia đình với tình yêu quê hương, đất nước.
- Trình bày bài nói theo nội dung đã chuẩn bị.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 3

YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1

1. Sắp xếp lại các sự việc theo trình tự diễn biến của câu chuyện: B, A, E, D, C, F, G.
2. Em có thể đưa ra những nhận xét về nhân vật Sơn. Ví dụ: Sơn là một bạn nhỏ rất tình cảm, giàu lòng trắc ẩn, biết quan tâm và yêu thương người thân, bạn bè. Em tự tìm các sự việc và chi tiết trong tác phẩm để giải thích, chứng minh cho ý kiến của mình.
3. Em có thể nêu ý kiến đồng tình hay không đồng tình với hành động vội vã đi tìm Hiền để đòi lại chiếc áo bông của nhân vật Sơn và lí giải theo quan điểm của mình.

Gợi ý: Em đồng tình với hành động của Sơn vì Sơn sợ bị mẹ mắng và có lúc đó Sơn mới hiểu rằng chiếc áo bông cũ ấy là kỉ vật rất quý của gia đình.

Hoặc: Em không đồng tình vì Sơn đã cho Hiền chiếc áo bông và nhà Hiền rất nghèo...

4. Em lựa chọn nhân vật mình yêu thích và lí giải nguyên nhân.
5. Em đặt tên cho tác phẩm theo suy nghĩ và cảm nhận của mình.

Bài tập 2

1. Em dựa vào mục giới thiệu về người kể chuyện và ngôi kể trong phần Tri thức ngữ văn của bài 1. *Tôi và các bạn* trong SGK để tự tìm câu trả lời.
2. Khi quẹt que diêm thứ hai, cô bé bán diêm đã “nhìn thấy” hình ảnh bàn ăn được bày biện rất đẹp và một con ngỗng quay đang nhảy ra khỏi đĩa, tiến về phía em.
3. Những hình ảnh hiện lên trong trí tưởng tượng của cô bé bán diêm khi quẹt que diêm thứ hai thể hiện ước muốn có được một bữa ăn ngon lành trong đêm Giáng sinh như bao nhiêu trẻ em khác. Ước muốn đó cho thấy cô bé không chỉ bị rét mà còn rất đói.
4. Miêu tả sự tương phản giữa “mộng寐” của cô bé bán diêm và thực tế ngoài đường phố, tác giả muốn nhấn mạnh tình cảnh đáng thương của cô bé. Em gái nhỏ trong cảnh đói rét cùng khổ chỉ còn biết mong ước, tưởng tượng, khao khát,...
5. Khách đi đường “hoàn toàn lãnh đạm” trước tình cảnh đáng thương của cô bé bán diêm vì lúc đó họ chỉ nghĩ đến bản thân và gia đình mình; vì trái tim họ

đã chai sạn, thờ ơ, vô cảm trước nỗi khổ của người khác. Theo em, có nên thông cảm với họ và có nên hành động giống như họ không? Hãy chia sẻ về điều em có thể làm để giúp đỡ cô bé bán diêm nếu ở trong tình huống đó.

6. a. Cụm danh từ: *que diêm thứ hai*.

– Trung tâm của cụm danh từ: *que diêm*.

– Phần phụ sau: *thứ hai*, bổ sung cho danh từ trung tâm đặc điểm, hạn định danh từ ra khỏi sự vật cùng loại.

b. Cụm danh từ: *một tấm rèm bằng vải màn*.

– Trung tâm của cụm danh từ: *tấm rèm*.

– Phần phụ trước: *một*, chỉ số lượng.

– Phần phụ sau: *bằng vải màn*, nêu đặc điểm, chất liệu của tấm rèm.

7. Đáp án B.

Bài tập 3

1. Khi que diêm thứ ba cháy là lúc mộng tưởng hiện ra: cô bé bán diêm thấy một cây thông Nô-en lớn, được trang trí lộng lẫy với hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ như những bức bày trong các tủ hàng.
2. Cô bé bán diêm muốn quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao vì “Em muốn níu bà lại”. Trong mộng tưởng, em đã được gặp lại người bà hiền hậu của mình và muốn được ở bên bà mãi mãi.
3. Những lời nói trong tưởng tượng của cô bé bán diêm với người bà hiền hậu trong trí tưởng tượng cho thấy cô bé có cảnh ngộ thật tội nghiệp, đáng thương. Cô bé ý thức được mộng tưởng và thực tế. Em biết là khi que diêm tắt thì bà cũng biến mất. Bà là người thương yêu em nhất nhưng đã qua đời. Giờ đây, chẳng có ai quan tâm đến em, em muốn được gặp lại bà, về với bà để được sung sướng và hạnh phúc.
4. Nhà văn An-đéc-xen đã thể hiện niềm cảm thông, thương yêu, xót xa trước cảnh ngộ của em bé tội nghiệp. Chính tình thương yêu ấy đã khiến nhà văn hình dung ra cảnh huy hoàng hai bà cháu bay vút lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa.
5. Em hãy nêu và lí giải ý kiến của mình.

Gợi ý: Hình ảnh người bà cầm tay cô bé bán diêm, rồi “hai bà cháu bay vút lên cao, cao mãi, chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa họ nữa” là một cảnh vừa ấm áp vừa thương tâm. Chính tình thương yêu đối với em bé bất hạnh đã khiến nhà văn tưởng tượng, miêu tả cảnh đẹp đẽ và ấm áp đó. Nhưng hình ảnh này

thuần túy chỉ là mộng tưởng. Thực tế là em bé bán diêm đã chết rét trong đêm giao thừa và không ai quan tâm đến em.

6. a. Cụm danh từ: *một cây thông Nô-en*.
- Trung tâm của cụm danh từ: *cây thông*.
 - Phần phụ trước: *một*, bổ sung cho danh từ trung tâm ý nghĩa về số lượng.
 - Phần phụ sau: *Nô-en*, bổ sung cho danh từ trung tâm đặc điểm, hạn định danh từ khỏi sự vật cùng loại.
- b. Cụm danh từ: *tất cả những que diêm còn lại trong bao*.
- Trung tâm của cụm danh từ: *que diêm*.
 - Phần phụ trước: *tất cả, những*, bổ sung cho danh từ trung tâm ý nghĩa về tổng lượng, số lượng.
 - Phần phụ sau: *còn lại trong bao*, nêu đặc điểm, hạn định danh từ khỏi sự vật cùng loại.

7. Đáp án C.

Bài tập 4

1. Người kể chuyện trong đoạn trích không trực tiếp tham gia vào câu chuyện. Đó là người kể chuyện ngôi thứ ba.
2. Khi chợt nhớ ra cảnh sống nghèo khổ của mẹ con bé Hiên, Sơn hiểu rằng mẹ Hiên không thể có tiền mua áo rét cho con.
3. Sơn nảy ra ý định rủ chị Lan về lấy chiếc áo bông cũ của em Duyên cho bé Hiên vì thương bé Hiên phải chịu rét.
4. Em đọc kĩ đoạn trích, tìm những câu văn miêu tả cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật Sơn (hiểu cảnh sống nghèo khổ của mẹ con bé Hiên, thương bé Hiên, vui sướng khi làm một việc tốt,...). Qua đó, có thể thấy tác giả nhấn mạnh lòng nhân hậu, sự quan tâm, yêu thương, chia sẻ của Sơn với những người nghèo khổ, đáng thương.
5. Những việc làm tốt, dù rất nhỏ bé, đều mang đến cho chúng ta niềm vui, sự tự hào về bản thân. Em có thể nhớ lại và chia sẻ cảm xúc của mình. Nếu chưa bao giờ trải qua cảm xúc đó, em hãy học cách giúp đỡ, chia sẻ với mọi người xung quanh.
6. a. Cụm danh từ: *một ý nghĩ tốt*.

 - Trung tâm của cụm danh từ: *ý nghĩ*.
 - Phần phụ trước: *một*, có ý nghĩa chỉ số lượng.
 - Phần phụ sau: *tốt*, chỉ đặc điểm của *ý nghĩ*.

b. Cụm danh từ: *cái áo bông cũ*.

– Trung tâm của cụm danh từ: *cái áo*.

– Phần phụ sau: *bông, cũ*, chỉ đặc điểm của áo.

7. Đáp án C.

Bài tập 5

1. Tâm trạng của hai chị em Sơn khi về nhà được thể hiện qua các từ ngữ: “lo lắng dặt nhau lên về nhà”, “Lan dặt tay Sơn khép nép” bước vào nhà, hai chị em “ngạc nhiên đứng sững ra” khi thấy mẹ con Hiền trong nhà mình.
2. Lần đầu, mẹ Sơn “nghiêm nghị” nói với hai con. Sau đó, mẹ Sơn “vẫy hai con lại gần”, “âu yếm ôm vào lòng” và nói. Với các con, thái độ của mẹ Sơn vừa nghiêm khắc vừa ấm áp, yêu thương.
3. Khi về đến nhà, Sơn “sợ hãi, cúi đầu lặng im, nép vào sau lưng chị” vì Sơn đã biết lỗi của mình và sợ bị mẹ mắng. Có lẽ lúc đó Sơn mới hiểu rằng mẹ rất quý chiếc áo bông cũ ấy.
4. Mẹ Hiền sang nhà Sơn để trả lại chiếc áo bông mà Sơn đã cho Hiền. Mẹ Hiền dù rất nghèo và thương con nhưng không lợi dụng lòng tốt thơ ngây của trẻ nhỏ. Hành động này cho ta cảm nhận được cách cư xử đúng đắn và giàu lòng tự trọng của một người mẹ nghèo.
5. Mẹ của Sơn đã cho mẹ Hiền vay năm hào để mua áo rét cho con như một cách giúp đỡ chân tình. Mẹ Sơn là người phụ nữ nhân hậu, tốt bụng.
6. Em có thể hình dung các sự việc có thể xảy ra nếu mẹ Hiền không sang nhà Sơn để trả lại chiếc áo bông cũ.

Gợi ý: Có thể mẹ Sơn sẽ phân tích cho hai con hiểu về ý nghĩa của chiếc áo bông cũ với gia đình, hoặc mẹ Sơn sẽ cùng hai con mang sang nhà Hiền một chiếc áo ấm khác.

7. Em có thể đồng tình hoặc không đồng tình với cách kết thúc truyện của tác giả. Nhưng em cần lí giải được quan điểm của mình.

Gợi ý: Truyện kết thúc với hình ảnh người mẹ ôm con vào lòng và ngợi khen tấm lòng nhân hậu của các con “Hai con tôi quý quá”. Đây là một kết thúc truyện hợp lí, trọn vẹn, giàu chất thơ, truyền đi thông điệp về tình người ấm áp.

8. Đáp án B.

9. Em tìm một cụm tính từ trong đoạn trích. Với trung tâm của cụm tính từ đó, tạo ra ba cụm tính từ khác.

Gợi ý: *khổ lắm, quý quá*. Các cụm tính từ khác có thể tạo ra là: *rất khổ, khổ vô cùng, khổ quá,...*

Bài tập 6

1. HS tự làm.
2. Gióc-ba chưa từng phủ nhận khi hải âu (Lắc-ki) tự nhận mình là một con mèo vì Gióc-ba cảm thấy vui sướng khi Lắc-ki muốn được giống như đàn mèo đã chăm sóc, nuôi nấng, che chở, yêu thương mình. Điều đó chứng tỏ con hải âu nhỏ đã gắn bó, yêu quý và tự hào về Gióc-ba và đàn mèo.
3. Gióc-ba và đàn mèo đã bảo vệ Lắc-ki từ khi chào đời; chăm sóc, yêu thương Lắc-ki vô điều kiện; hết lòng vì "hạnh phúc" của Lắc-ki;...
4. Lắc-ki là con hải âu "thực sự may mắn" vì dù rất khác biệt nhưng vẫn được Gióc-ba và đàn mèo chấp nhận, bảo vệ, yêu thương.
5. Em có thể lựa chọn đồng tình hoặc không đồng tình với suy nghĩ của Gióc-ba. Khi lí giải ý kiến của mình, em cần lưu ý sự khác nhau giữa việc yêu thương ai đó giống mình (dễ dàng) và yêu thương ai đó khác biệt với mình (khó khăn).
6. – Hai cụm danh từ trong hai câu là: *một con hải âu, một con hải âu xinh đẹp*.
– Gợi ý: Gióc-ba muốn giảng giải, nhấn mạnh với Lắc-ki một sự thật – Lắc-ki không phải là mèo như chú nghĩ. Lắc-ki là một con hải âu, hơn nữa là một con hải âu rất xinh đẹp. Điều đó thật đáng tự hào và Lắc-ki phải sống cuộc đời của một con hải âu.
7. a. Cụm động từ: *đã bảo vệ con từ khoảnh khắc con mổ vỡ lớp vỏ trứng ra đời*.
– Trung tâm của cụm động từ: *bảo vệ*.
– Phần phụ trước: *đã*, chỉ quan hệ về thời gian, biểu hiện sự nhấn mạnh.
– Phần phụ sau: *con, từ khoảnh khắc con mổ vỡ lớp vỏ trứng ra đời*, chỉ đối tượng và thời gian của hành động bảo vệ.
b. Cụm động từ: *yêu con như yêu một con hải âu*.
– Trung tâm của cụm động từ: *yêu*.
– Phần phụ sau: *con, như yêu một con hải âu*, chỉ đối tượng và sự so sánh của hành động yêu.
c. Cụm động từ: *cảm thấy con cũng yêu chúng ta như vậy*.
– Trung tâm của cụm động từ: *cảm thấy*.
– Phần phụ sau: *con cũng yêu chúng ta như vậy*, chỉ nội dung của hành động cảm thấy.

Bài tập 7

1. Người kể chuyện ngôi thứ nhất, xưng "tôi".

2. Em tìm các chi tiết miêu tả hình dáng (thân hình, đầu, mắt, càng,...), màu sắc, hoạt động của đàn bọ ngựa con và chú bọ ngựa con đầu đàn (lúc trườn ra khỏi trứng, cựa quậy, nhảy dù và đổ bộ, dàn quân khắp cây chanh,...).
3. Để thực hiện yêu cầu của bài tập này, em cần chú ý các chi tiết miêu tả đàn bọ ngựa con từ khi bắt đầu chui ra khỏi ổ trứng đến khi có thể nhảy xuống và toả đi “bắt đầu một cuộc sống dũng cảm, tự lập”. Mỗi “giai đoạn” đều được tái hiện rất tỉ mỉ, chi tiết. Ví dụ: *lách khỏi kẽ hở trên ổ trứng mẹ, cố rướn ra, cố trườn ra, thoát được cái đầu, cái mình... rồi nhẹ nhàng tọt khỏi ổ trứng, người treo lơ lửng trên một sợi tơ rất mảnh bay bay theo chiều gió...*
4. Cách quan sát chăm chú, kiên nhẫn; cách miêu tả rất chi tiết, sinh động của nhân vật “tôi” thể hiện sự tò mò, thích thú và tình cảm yêu quý dành cho các chú bọ ngựa con.
5. Em có thể chọn quan sát kĩ một hình ảnh thiên nhiên quanh em như đám mây, bông hoa, giọt sương, cây lá,...; hoặc một con vật nuôi như chuột cảnh, chó, mèo, thỏ, gà, trâu, bò,... Sau đó, miêu tả lại hình ảnh thiên nhiên hoặc vật nuôi ấy và thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của em.
6. Từ láy: *tí tí, thô lỗ, nhẹ nhàng, lơ lửng, bay bay*.
Việc sử dụng các từ láy giúp miêu tả sinh động hình ảnh những chú bọ ngựa vừa mới nở: nhỏ bé, tinh nghịch, khéo léo.
7. Câu văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh. Ví dụ: *Chú đứng trên quả chanh, mang đầy đủ dòng máu hiệp sĩ của nòi bọ ngựa, hùng dũng như con sư tử đứng vờn quả cầu*. Hình ảnh bọ ngựa đứng trên quả chanh được so sánh với con sư tử đứng vờn quả cầu. Biện pháp tu từ so sánh đã tô đậm vẻ đẹp khoẻ khoắn, hùng dũng của chú bọ ngựa ngay từ lúc mới sinh ra.

Bài tập 8

Điểm giống và khác nhau giữa nhân vật cô bé bán diêm và cậu bé nạo ống khói:

– Giống nhau: Cả hai đều là nhân vật trẻ em được nhà văn miêu tả với dáng vẻ bên ngoài rất tội nghiệp. Hai nhân vật đều có hoàn cảnh sống rất khó khăn, đáng thương. Cả hai em đều không dám trở về nhà vì sợ bị đánh.

– Khác nhau:

+ Về dáng vẻ bên ngoài: Nhân vật cô bé bán diêm hiện ra qua chi tiết miêu tả trang phục, dáng vẻ giữa đêm giao thừa lạnh giá (đầu trần; chân đi đất, chân đỏ ửng, tím bầm; tạp dề cũ kĩ,...). Nhân vật cậu bé nạo ống khói hiện ra qua chi tiết miêu tả dáng vẻ, hành động, tâm trạng (tay tựa vào tường, đầu gục, người đen ngòm, cú khóc mãi, tuyết vọng).

+ Cảnh ngộ: Cô bé bán diêm nghèo khổ, đói rét; không bán được bao diêm nào, đêm giao thừa nhưng không dám về nhà vì sợ cha đánh. Cậu bé nạo ống khói người đen ngòm vì vừa làm việc xong, được ba hào nhưng chẳng may rơi mất vì em vô ý bỏ tiền vào cái túi áo thủng. Cậu bé không dám về nhà chủ vì sợ bị đánh.

+ Thái độ, hành động của những người xung quanh đối với nhân vật: Cô bé bán diêm không được ai đoái hoài tới, không ai bố thí cho em một đồng xu nào. Cậu bé nạo ống khói nhận được sự đồng cảm, yêu thương, chia sẻ của nhiều bạn học sinh. Hai tay cậu đẩy đồng xu và cậu còn nhận được những chùm hoa nho nhỏ.

VIẾT

Dựa vào sơ đồ đã lập ở bài tập 8, em hãy viết đoạn văn (khoảng 10 câu) so sánh nhân vật cô bé bán diêm và cậu bé nạo ống khói. Lưu ý, ngoài việc nêu những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật, em có thể nêu cảm nghĩ của em về hai nhân vật đó.

NÓI VÀ NGHE

– Em hãy xem lại hướng dẫn nói và nghe “Kể lại một trải nghiệm của em” trong bài 3 của SGK và thực hành nói và nghe theo các bước: trước khi nói, trình bày bài nói, sau khi nói.

– Em có thể trình bày trước người thân hoặc nhóm bạn để nhận được các góp ý; từ đó hoàn thiện bài trình bày của mình.

ĐỌC MỞ RỘNG

Bài tập 1

Em có thể chọn sách từ tủ sách của lớp, mượn của thư viện trường hoặc tìm kiếm ở hiệu sách và từ các nguồn khác. Em cần cùng các bạn xây dựng tủ sách của lớp ngay từ đầu năm học; học cách tìm sách ở thư viện của trường và hiệu sách.

Khi đọc các văn bản truyện (mà trọng tâm là truyện đồng thoại), em có thể tự đặt những câu hỏi để tìm hiểu các yếu tố của truyện kể:

– Nội dung của truyện là gì?

– Người kể chuyện là ai? Câu chuyện được kể từ ngôi thứ nhất hay ngôi thứ ba (người kể chuyện và ngôi kể)?

- Các sự việc chính trong câu chuyện diễn ra theo trình tự nào (cốt truyện)?
- Truyện có mấy nhân vật? Nhân vật trong truyện gồm những ai? Có nhân vật là con vật hay đồ vật không (nhân vật)?
- Đây là lời người kể chuyện, đây là lời nhân vật (lời người kể chuyện và lời nhân vật)?

Bằng cách đặt câu hỏi và trả lời những câu hỏi đó, em từng bước có kĩ năng đọc văn bản truyện. Hãy ghi lại đầy đủ thông tin vào nhật kí đọc sách do em tự thiết kế. Việc này không chỉ là cách để hoàn thành bài tập mà còn giúp em chuẩn bị thông tin và ý tưởng để trao đổi kết quả đọc với thầy cô và các bạn trong tiết Đọc mở rộng tại lớp. Em có thể tham khảo mẫu nhật kí đọc sách dưới đây:

NHẬT KÍ ĐỌC SÁCH	
Ngày:...../...../.....	
Tên văn bản/sách, tác giả:	
Một số điểm nổi bật:	
Câu hoặc đoạn trích yêu thích:	
Suy nghĩ sau khi đọc:	

Bài tập 2

Khi đọc, các em cần nắm được nội dung cơ bản của bài thơ; nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, yếu tố tự sự (kể lại một sự việc, câu chuyện) và miêu tả (tái hiện những đặc điểm nổi bật của đối tượng).

Em có thể tự đặt những câu hỏi để tìm hiểu nội dung cơ bản của bài thơ (*Nội dung cơ bản của bài thơ là gì?*); nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, ... (*Trong bài thơ này có từ ngữ nào được dùng theo cách mới lạ, thú vị? Hình ảnh nào trong bài thơ khiến người đọc chú ý hay có ấn tượng đặc biệt? Biện pháp tu từ nào được dùng trong bài? Biện pháp tu từ đó có tác dụng gì?*)

Trước khi tự đặt ra và trả lời những câu hỏi trên, em cũng có thể vận dụng kiến thức đã học về thơ ở tiểu học để tìm hiểu một số điểm cơ bản của bài thơ mà em đọc, chẳng hạn:

- Bài thơ này có mấy khổ?
- Mỗi khổ có mấy dòng?

– Cuối các dòng thơ có những tiếng nào cùng vần với nhau?

Bằng cách đặt ra và trả lời những câu hỏi đó, em từng bước có kĩ năng đọc văn bản thơ. Nhớ ghi đầy đủ thông tin vào nhật kí đọc sách do em tự thiết kế. Em có thể tham khảo mẫu nhật kí đọc sách ở bài tập 1. Việc ghi nhật kí đọc sách không chỉ để hoàn thành bài tập này mà còn giúp em chuẩn bị thông tin và ý tưởng cho tiết Đọc mở rộng tại lớp khi em được yêu cầu cùng các bạn trao đổi, thảo luận về một bài thơ mà em yêu thích.

Bài tập 3

Khi đọc, em cần nắm được nội dung cơ bản của văn bản; một số yếu tố của truyện (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, lời người kể chuyện, lời nhân vật); đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. Em có thể tự đặt những câu hỏi để tìm hiểu các yếu tố của truyện kể:

– Nội dung của truyện này là gì?

– Người kể chuyện trong truyện này là ai? Câu chuyện được kể từ ngôi thứ nhất hay ngôi thứ ba (người kể chuyện)?

– Các sự việc chính trong câu chuyện diễn ra theo trình tự nào (cốt truyện)?

– Truyện có mấy nhân vật? Nhân vật trong truyện gồm những ai? Những nhân vật trong truyện này có gì giống và khác so với những nhân vật trong các truyện mà em đã đọc (nhân vật)?

– Dấu hiệu nào giúp người đọc nhận ra lời người kể chuyện, lời nhân vật (lời người kể chuyện và lời nhân vật)?

Bằng cách đặt ra và trả lời những câu hỏi đó, em từng bước có kĩ năng đọc văn bản truyện; biết so sánh, kết nối văn bản truyện đang đọc với những văn bản truyện khác. Nhớ ghi đầy đủ nội dung vào nhật kí đọc sách do em tự thiết kế. Việc này không chỉ để hoàn thành bài tập mà còn để chuẩn bị thông tin và ý tưởng cho tiết Đọc mở rộng tại lớp khi em cùng các bạn trao đổi, thảo luận về một tác phẩm truyện. Em có thể tham khảo mẫu nhật kí đọc sách ở trang 62.

Bài 4**QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU****ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT****Bài tập 1**

1. Những đặc điểm của thơ lục bát về cách phối thanh, ngắt nhịp được thể hiện trong hai dòng đầu của bài ca dao số 1 như sau:

– Thanh điệu: Trong dòng sáu và dòng tám, các tiếng thứ sáu và thứ tám là thanh bằng (*đà, gà, Xương*) còn tiếng thứ tư là thanh trắc (*trúc, Võ*). Trong dòng tám, mặc dù tiếng thứ sáu và thứ tám đều là thanh bằng nhưng vì tiếng thứ sáu là thanh huyền (*gà*) nên tiếng thứ tám là thanh ngang (*Xương*).

– Nhịp: Cả 2 dòng thơ đều ngắt nhịp chẵn 2/2/2.

Gió đưa/ cành trúc/ la đà

Tiếng chuông/ Trấn Võ/ canh gà/ Thọ Xương.

2. Bài ca dao số 1 nhắc đến những địa danh: Trấn Võ, Thọ Xương, Yên Thái, Tây Hồ. Việc liệt kê hàng loạt các địa danh nổi tiếng đó nhằm thể hiện niềm yêu mến, tự hào về quê hương đất nước – tự hào vì Hồ Tây đẹp không chỉ bởi cảnh sắc thiên nhiên mà còn bởi truyền thống văn hoá lâu đời; tự hào về con người nơi đây đã góp sức để xây dựng, gìn giữ vẻ đẹp của vùng đất Thăng Long. Hầu hết những địa danh đó đều in dấu ấn lịch sử – văn hoá nổi bật.
3. Hiện tượng dị bản xuất hiện khá phổ biến trong ca dao nói riêng và văn học dân gian nói chung. Nguyên nhân chính của hiện tượng này là bởi văn học dân gian là sản phẩm sáng tác mang tính tập thể; tồn tại, lưu hành theo phương thức truyền miệng. Em có thể nêu một vài trường hợp:

– *Đường vô xứ Nghệ quanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*

Có dị bản:

*Đường vô xứ Huế quanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*

– *Râu tôm nấu với ruột bầu
Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon.*

Có dị bản:

*Râu tôm nấu với ruột bù
Chồng chan vợ húp gật gù khen ngon.*

- Trong bài ca dao số 2, nếu thay từ *ai* bằng từ *em* hoặc từ *anh* thì giá trị biểu đạt sẽ thay đổi. *Ai* là đại từ phiếm chỉ làm tăng tính khái quát cho đối tượng được nói đến, bài ca dao do vậy là một lời mời gọi mọi người cùng đến chiêm ngưỡng vẻ đẹp của xứ Lạng.
- Có một bài ca dao nổi tiếng khác cũng viết về xứ Lạng, vùng đất được nói đến trong bài ca dao số 2:

*Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh
Ai lên xứ Lạng cùng anh
Bỏ công bác mẹ sinh thành ra em.*

- Bài ca dao số 3 ca ngợi vẻ đẹp của xứ Huế. Ta có thể biết được điều đó dựa vào các địa danh mà tác giả dân gian nhắc đến: Đông Ba, Đập Đá, Vĩ Dạ, ngã ba Sinh,...
- Các từ láy được sử dụng trong *Chùm ca dao về quê hương đất nước*: *la đà*, *mịt mù* (bài ca dao số 1), *lờ mờ* (bài ca dao số 3). Các từ láy đó đã góp phần làm cho các bài ca dao sinh động, hấp dẫn, gợi hình, gợi cảm.

Bài tập 2

- Bài thơ được viết theo thể thơ lục bát. Dựa vào cách sắp xếp các dòng thơ, số tiếng trong các dòng, ta có thể biết được điều đó.
- Những chi tiết cho thấy bầy ong đã không quản gian khó để đem lại hương sắc, mật ngọt cho đời: *bay đến trọn đời tìm hoa, không gian là nẻo đường xa, thời gian vô tận, tìm nơi thăm thẳm rừng sâu, tìm nơi bờ biển sóng tràn, tìm nơi quần đảo khơi xa, bầy ong rong ruổi trăm miền,...*
- Tác giả khẳng định "*Đất nơi đâu cũng tìm ra ngọt ngào*" vì đến nơi nào, bầy ong chăm chỉ, cần mẫn cũng tìm được hoa để làm mật, đem lại hương vị ngọt ngào cho đời.
- Qua bài thơ, em cảm nhận được những phẩm chất đáng quý của bầy ong như: chăm chỉ, cần cù, vượt mọi gian khó để làm việc có ích cho đời.
- Từ hành trình của bầy ong, nhà thơ muốn gửi đến người đọc thông điệp: hãy tạo dựng cho mình một cuộc sống có ý nghĩa, có ích; sống là để cống hiến, mang đến "hương thơm mật ngọt" cho đời.
- Trong đoạn thơ, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ: ***Tìm nơi thăm thẳm rừng sâu, Tìm nơi bờ biển sóng tràn, Tìm nơi quần đảo khơi xa.***

Với biện pháp tu từ này, nhà thơ đã nhấn mạnh được phẩm chất cần cù, không quản khó khăn, mệt nhọc để tìm ra mật ngọt dâng đời của bầy ong.

Bài tập 3

1. Trong đoạn thơ, các tiếng *đi – thì; xưa – mưa – dứa* vần với nhau.
2. Nhà thơ yêu chuyện cổ nước mình vì những câu chuyện cổ ẩn chứa vẻ đẹp tình người thiết tha, nhân hậu. Chuyện cổ giúp ta nhận ra những phẩm chất đẹp đẽ và những bài học quý giá mà ông cha ta muốn truyền lại cho con cháu.
3. Những câu chuyện cổ Việt Nam thể hiện triết lí nhân sinh *Ở hiền thì lại gặp hiền/ Người ngay thì gặp người tiên độ trì: Tấm Cám, Cây tre trăm đốt, Sọ Dừa, Thạch Sanh,...*
4. Bài thơ khẳng định giá trị nhân văn cao cả của các câu chuyện cổ, ca ngợi ý nghĩa của các câu chuyện cổ trong việc phản ánh những nét đẹp tình người và những bài học cuộc sống. Trong đoạn thơ, có thể thấy rõ điều đó qua những dòng thơ:

*Tôi yêu chuyện cổ nước tôi
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa
Thương người rồi mới thương ta
Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm
Ở hiền thì lại gặp hiền
Người ngay thì gặp người tiên độ trì
[...] Thị thơ thì giấu người thơ
Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà
Đẽo cày theo ý người ta
Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì...*

5. Tác giả có thể “nhận mặt ông cha” của mình qua những câu chuyện cổ vì chính những câu chuyện cổ đã giúp người đọc thời nay nói chung và nhà thơ nói riêng hình dung được “gương mặt” của cha ông ngày xưa – hiểu được đời sống vật chất và tinh thần, tâm hồn và tính cách, phong tục tập quán và các quan niệm đạo đức, triết lí nhân sinh,... của cha ông.
6. Từ *vàng* trong “**Vàng** cơn nắng, trắng cơn mưa” chỉ màu sắc, còn *vàng* trong “*Cô ấy đeo rất nhiều **vàng***” chỉ một thứ kim loại quý. Như vậy, đây là hai từ đồng âm vì chúng có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan gì với nhau.

Bài tập 4

1. Bài thơ viết về cảnh cầu Hàm Rồng. Những hình ảnh tác giả sử dụng để miêu tả cảnh đẹp đó: màu sơn “đỏ” của cầu, màu “xanh” của núi Ngọc Sơn, độ “sâu” của dòng sông Mã hùng vĩ, cảnh nhộn nhịp “buông câu” của những con thuyền đánh cá, hình bóng xe lửa Bắc – Nam chạy qua chạy lại trên cầu.
2. Tình cảm của nhà thơ đối với cầu Hàm Rồng được thể hiện rất sâu đậm qua hai dòng thơ: *Ai xui ta nhớ Hàm Rồng/ Muốn trông chẳng thấy cho lòng khôn khuây*. Tác giả muốn được trông thấy cầu Hàm Rồng cho vui phần nào nỗi nhớ thường trực trong lòng.
3. Bốn câu hỏi nối tiếp kết hợp với biện pháp tu từ điệp ngữ: *còn đỏ, còn đỏ, còn sâu, còn thuyền đánh cá, còn xe lửa chạy,...* đã gợi tả nỗi day dứt, băn khoăn của tác giả về cảnh sắc Hàm Rồng. Cảnh Hàm Rồng đã in sâu trong tâm hồn nhà thơ với tất cả màu sắc, hoạt động,... Giờ đây, phải xa Hàm Rồng, tác giả băn khoăn không biết Hàm Rồng có còn giữ nguyên được những vẻ đẹp đó hay không.
4. Hai dòng thơ: *Ước sao sông cứ còn sâu/ Non cao còn cứ giữ màu xanh xanh* đã thể hiện nỗi ước mong, khắc khoải của tác giả – mong sao cảnh Hàm Rồng không biến đổi theo dòng chảy thời gian, trong bể dâu cuộc đời. Sông Mã “cứ còn sâu”. Núi Ngọc Sơn “còn cứ giữ màu xanh xanh”,...
5. Đoạn thơ cho ta thấy tình cảm yêu mến tha thiết của nhà thơ Tân Đà đối với cầu Hàm Rồng nói riêng và đối với quê hương đất nước nói chung.
6. Trong hai dòng thơ: *Lấy ai viếng cảnh bây giờ/ Mà hay cảnh có đợi chờ cùng nhau!*, nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá. Cầu Hàm Rồng được tác giả nhắc đến như một con người, một người bạn tri âm tri kỉ, một cố nhân. Nhà thơ băn khoăn tự hỏi, trong bao năm tháng xa cách, không biết cảnh Hàm Rồng “có đợi chờ” mình để “cùng nhau” tâm sự, giải bày.

Bài tập 5

1. Những đặc điểm của thơ lục bát được thể hiện qua bốn dòng cuối của đoạn thơ:
 - Thể thơ: Các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp – một dòng sáu tiếng và một dòng tám tiếng.
 - Vần: Tiếng cuối của dòng sáu vần với tiếng thứ sáu của dòng tám (*tin – nghìn*); tiếng cuối của dòng tám lại vần với tiếng cuối của dòng sáu tiếp theo (*qua – ra*).
 - Thanh điệu: Trong dòng sáu và dòng tám, các tiếng thứ sáu và thứ tám là thanh bằng (*tin, nghìn, qua, ra, Sa, gân*) còn tiếng thứ tư là thanh trắc (*sững, cửa, mũi, đảo*). Trong dòng tám, mặc dù tiếng thứ sáu và tám đều là thanh

bằng nhưng nếu tiếng thứ sáu là thanh huyền (*ngìn*) thì tiếng thứ tám là thanh ngang (*qua*) và ngược lại, tiếng thứ sáu là thanh ngang (*Sa*) thì tiếng thứ tám lại là thanh huyền (*gần*).

– Nhịp: Trong bốn dòng thơ thì có đến ba dòng ngắt theo nhịp chẵn.

2. Bài thơ viết về quần đảo Trường Sa của Tổ quốc. Những hình ảnh tác giả sử dụng để miêu tả địa danh này: *quần đảo cuối trời xanh, trăm hạt thóc vãi thành đảo con, sóng bào mãi vẫn không mòn,...*
3. Nhà thơ khẳng định "*Với tôi quần đảo Trường Sa rất gần*" vì về mặt địa lí thì Trường Sa rất xa xôi và nhà thơ cũng chưa trực tiếp ra thăm Trường Sa lần nào nhưng quần đảo này luôn ở trong trái tim nhà thơ với niềm yêu mến, tự hào.
4. Bài thơ đã khơi gợi trong em tình cảm yêu mến, tự hào đối với vùng đất xa xôi của Tổ quốc, đối với những con người đang ngày đêm canh giữ, bảo vệ Trường Sa. Đọc bài thơ, em cảm thấy mình cần phải có trách nhiệm với Tổ quốc, phải có ý thức gìn giữ và bảo vệ biển đảo quê hương.
5. Từ *mũi* trong *mũi tàu* chỉ phần trước, nhô ra của tàu thuyền còn *mũi* trong *mũi dọc dừa* chỉ một bộ phận nhô ra trên khuôn mặt, dùng để hô hấp của con người. Có thể thấy rõ hai nghĩa này liên quan với nhau nên đây là trường hợp từ đa nghĩa.
6. Trong hai dòng thơ *Hỡi quần đảo cuối trời xanh/ Như trăm hạt thóc vãi thành đảo con*, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ví quần đảo Trường Sa gồm nhiều đảo nhỏ với hàng trăm hạt thóc. Việc so sánh mỗi đảo nhỏ của quần đảo Trường Sa như hạt thóc – thứ thân thuộc, gần gũi với mỗi người Việt Nam giúp người đọc cảm thấy quần đảo xa xôi của Tổ quốc trở nên rất gần gũi, thân thương.

Bài tập 6

1. So với đặc điểm của thơ lục bát đã được nêu ở phần Tri thức ngữ văn (SGK, tr. 89), số tiếng trong dòng thứ ba không phải sáu tiếng như thông thường mà kéo dài thành tám tiếng. Bài ca dao này là hiện tượng lục bát biến thể.
2. Tính chất biến thể trong việc phối thanh của bài ca dao: tiếng thứ tám của dòng bát đầu tiên (*Ai ngời, ai câu, ai sâu, ai **thảm***) và tiếng thứ sáu của dòng bát thứ hai (*Ai thương, ai cảm, ai **nhớ**, ai trông*) không phải là thanh bằng như thông thường mà là thanh trắc.
3. Ngoài sự biến thể về thanh điệu, so với một bài thơ lục bát thông thường, ta cũng nhận thấy có sự khác biệt về vị trí gieo vần ở bài ca dao. Về vần, tiếng thứ tám của dòng bát (*Ai ngời, ai câu, ai sâu, ai **thảm***) vần với tiếng thứ tư của dòng bát tiếp theo (*Ai thương, ai **cảm**, ai nhớ, ai trông?*).

4. Việc sử dụng liên tiếp hai dòng tám tiếng (*Ai ngời, ai câu, ai sâu, ai thăm/ Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông*) đã góp phần làm nổi bật tâm trạng buồn bã, sầu muộn, nhớ nhung, trông ngóng của nhân vật trữ tình.
5. Thời gian và không gian được khắc hoạ trong bài ca dao để lại cho em nhiều ấn tượng. Chính thời gian buổi chiều, không gian mênh mông, xa vắng, trầm mặc của bến Văn Lâu với hình ảnh con thuyền trôi lững lờ trên dòng sông Hương, với điệu hò mái đẩy diu dặt càng làm tăng thêm nỗi buồn thảm, sầu nhớ trong lòng người.
6. Từ *thăm* trong câu a (*Ai ngời, ai câu, ai sâu, ai **thăm**.*) chỉ “tâm trạng buồn thương, đau khổ khiến cho mọi người động lòng thương cảm”; từ *thăm* trong câu b (*Sàn nhà được trải **thăm** trông rất ấm cúng, sang trọng.*) lại chỉ “tấm dệt bằng sợi to, thường có hình trang trí, dùng trải trên lối đi hoặc trên sàn nhà”. Đây là hai từ đồng âm vì nghĩa của chúng khác nhau, không liên quan gì với nhau.

VIẾT

Bài tập 1

– Để làm bài tập này, em cần ôn lại kiến thức về cách gieo vần trong thơ lục bát đã được trình bày trong Tri thức ngữ văn (SGK, tr. 89). Ví dụ (1), trong dòng thơ thứ nhất, tiếng cần tìm để đặt vào chỗ trống là tiếng thứ sáu; theo quy tắc về cách gieo vần của thơ lục bát thì tiếng này sẽ vần với tiếng thứ sáu của dòng tám tiếng phía dưới (*đá*). Tương tự, trong dòng thơ thứ ba, tiếng cần tìm để đặt vào chỗ trống là tiếng thứ sáu, theo quy tắc về cách gieo vần của thơ lục bát thì tiếng này phải vần với tiếng cuối của dòng tám tiếng phía trên (*làng*). Sau khi tập gieo vần bằng cách chọn những tiếng thích hợp để đặt vào chỗ trống, em sẽ có đoạn thơ dưới đây:

Ngày nay dù ở nơi **xa**,
 Nhưng khi về đến cây đa đầu làng;
 Thì bao nhiêu cảnh mơ **màng**,
 Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre.

(Bàng Bá Lân, *Cổng làng*)

– Tương tự với cách làm của đoạn thơ (1), em có đoạn thơ (2) như sau:

Đêm mưa làm nhớ không **gian**,
 Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la.
 Tai nương nước giọt mái **nhà**
 Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn buồn.

(Huy Cận, *Buồn đêm mưa*)

Bài tập 2

Em viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) ghi lại cảm xúc về một đoạn trong bài thơ lục bát *Tiếng hát mùa gặt* của Nguyễn Duy.

- Mở đoạn: Giới thiệu ngắn gọn về đoạn thơ, tác giả (đoạn thơ trích trong bài thơ *Tiếng hát mùa gặt* của nhà thơ Nguyễn Duy).
- Thân đoạn: Trình bày cảm xúc về đoạn thơ.
- + Nêu ấn tượng chung của em khi đọc đoạn thơ (yêu thích, cuốn hút,...).
- + Nêu nội dung chính của đoạn thơ (Đoạn thơ khắc hoạ sinh động bức tranh về mùa gặt. Trong bức tranh đó, cảnh sắc thiên nhiên hiện lên sống động, khoáng đạt; người nông dân lao động hăng say với niềm vui rộn ràng trước vụ mùa bội thu,...).
- + Những biện pháp nghệ thuật nổi bật (biện pháp tu từ nhân hoá: *cánh cò dẫn gió, gió nâng tiếng hát, lưỡi hái liếm ngang chân trời; các từ láy: chói chang, long lanh,...*).
- Kết đoạn: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc chung về đoạn thơ.

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

- Em hãy đọc diễn cảm hai đoạn thơ lục bát mà em đã hoàn thiện ở bài tập 1 phần Viết.
- Nếu có khả năng, em có thể ngâm hai đoạn thơ để tăng thêm sự hấp dẫn.
- Có thể đọc thơ kết hợp với các phương tiện khác như trình chiếu hình ảnh, sử dụng nhạc nền,...

Bài tập 2

- Dựa vào nội dung bài viết mà em đã hoàn thành ở bài tập 2 phần Viết để thực hiện bài nói.
- Hãy đọc lại nhiều lần bài viết của em, đánh dấu những nội dung quan trọng của bài viết mà khi trình bày không thể bỏ qua.
- Hãy viết ra giấy các chi tiết quan trọng của bài nói, sắp xếp ý và lựa chọn từ ngữ.
- Khi trình bày bài nói cần tận dụng được các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như sử dụng ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ,... và tương tác tích cực với người nghe để tạo sức hấp dẫn và thuyết phục cho bài nói.

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1

1. Nhà văn miêu tả Cô Tô trong hai điều kiện thời tiết khác nhau: trong bão và sau bão. Cô Tô được miêu tả ở những điều kiện thời tiết khác nhau như vậy giúp người đọc nhận ra đây là một vùng đất khắc nghiệt nhưng cũng thật đẹp, con người ở đó biết nương vào tự nhiên, vượt lên những khó khăn để sống và lao động sản xuất.
2. Em hãy kẻ bảng, chia hai cột, liệt kê những chi tiết miêu tả Cô Tô trong bão và sau bão để nhận ra sự khác nhau trong cách miêu tả hai cảnh đó (lưu ý cách dùng từ ngữ, biện pháp tu từ,...). Từ đó, em hãy cảm nhận và nêu chi tiết mình thích nhất trong cảnh Cô Tô trong bão hoặc cảnh Cô Tô sau bão.
3. Tranh sơn mài là loại tranh có độ bóng, thường ánh lên màu vàng, màu bạc, màu son (đỏ, hồng). Các từ ngữ miêu tả màu sắc của cảnh bình minh trên đảo Cô Tô khiến người đọc nhận thấy nó giống tranh sơn mài: *hồng hào thắm thắm, mâm bạc, màu ngọc trai, hừng hồng, sáng dần lên cái chất bạc nén*. Điểm thêm vào bức tranh lộng lẫy đó là hình ảnh chim nhạn, hải âu chao liệng. Những hình ảnh này làm cho bức tranh có cái đẹp của sự tương phản giữa menh mông và nhỏ bé, vừa gợi được không khí của tranh phong cảnh cổ vừa có thêm hoạt động của sự sống.
4. Em có thể tìm các từ láy và từ ghép theo yêu cầu của bài tập dựa vào vốn từ vựng của mình hoặc qua trao đổi, chia sẻ với bạn. Em cũng nên tra cứu từ điển tiếng Việt để kết quả làm bài thêm phong phú. Với *sáng*, có thể có: *sáng láng, sáng loáng, sáng ngời, sáng trong, sáng quắc, sáng rực,...*; với *đầy*, có thể có: *đầy đủ, đầy ắp, đầy rẫy,...*; với *dịu*, có thể có: *dịu dịu, dịu êm, dịu ngọt, dịu hiền,...*

Bài tập 2

1. Những chi tiết trong đoạn trích cho thấy tác giả tham dự vào cuộc sống của người dân đảo: *tôi đang múc gầu nước giếng; tôi cũng đang đi tắm như mọi người lao động bình thường; anh quấy nước bên bờ giếng, tôi né ra một bên*.
2. Cảm nhận chung của tác giả về cảnh sinh hoạt của người dân đảo quanh giếng nước ngọt được thể hiện qua câu văn: *Cái giếng nước ngọt ở rìa một hòn đảo giữa biển, cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền*.

3. Không khí chuẩn bị ra khơi của dân đảo rất nhộn nhịp, khẩn trương. Mọi người lấy nước dự trữ lên thuyền, nhiều thuyền lớn nhỏ đang sẵn sàng ra khơi.
4. Hình ảnh thùng gỗ, cong, ang gổm da lươn, lá cam lá quýt trong lòng giếng cho thấy sợi dây liên hệ giữa đảo xa và đất liền. Đây là những hình ảnh thường thấy trong cuộc sống của cư dân đất liền. Dụng cụ lấy nước cho thấy bóng dáng nếp sống của các vùng quê Việt, tạo cảm giác thân quen. Lá cam lá quýt xuất hiện trong lòng giếng cho thấy dân đảo đã mang nhiều giống cây từ đất liền ra trồng ở đảo. Cuộc sống ở đảo xa vẫn mang hình bóng của đất liền qua những hình ảnh quen thuộc và bình dị. Từ đây, người đọc cảm nhận được sức sống và hồn quê đất Việt nơi đảo xa.
5. Những khó khăn của công việc ra khơi mà anh hùng Châu Hoà Mãn nói đến: đi xa, đi dài ngày trên biển, cần dự trữ nước ngọt, nước ngọt thiếu, dân chài trên biển phải rất tiết kiệm nước: "Nước ngọt... chỉ để uống... Vo gạo bằng nước biển thôi". Từ những khó khăn đó, ta có thể cảm nhận được tinh thần vượt khó, chịu đựng gian khổ, chấp nhận khó khăn, quyết tâm bám biển của người lao động ở Cô Tô.
6. Đoạn trích đã thể hiện được ý tưởng đến thăm những miền đất mới không chỉ là để nhìn ngắm quang cảnh mà còn để trải nghiệm, cùng sống với người dân bản địa để cảm nhận hương vị cuộc sống sinh hoạt của con người. Em có thể trình bày ý kiến riêng của mình về ý tưởng đó.
7. Em hãy tìm các câu văn có chứa từ so sánh. Biện pháp tu từ so sánh được dùng trong đoạn trích có tác dụng làm cho người đọc hình dung rõ hơn về hoạt động của con người, không khí sinh hoạt của dân đảo, sự gắn bó của tác giả với người dân đảo và sự tôn vinh vẻ đẹp, tầm vóc của những người dân lao động bình thường trên đảo.

Bài tập 3

1. Bài tập này giúp em nhận diện người kể chuyện đồng thời cũng chính là tác giả bài kí. Đại từ dùng để chỉ người kể chuyện trong đoạn trích là *tôi* (có chỗ dùng *chúng tôi* do người kể chuyện đồng hành cùng người khác nữa). Tác giả là người trực tiếp thực hiện chuyến đi. Trong đoạn trích có những từ ngữ cho thấy điều này: *chúng tôi tìm đường, tôi ghé thăm*.
2. Đáp án A.
3. Chi tiết có thể giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của tháp Khương Mỹ: "những ngọn tháp đang lấp lánh dưới ánh mặt trời", "màu gạch nung óng ả nổi bật giữa trời xanh".
4. Tác giả "đặc biệt thích" nhóm tháp Khương Mỹ vì so với nhiều tháp Chăm khác, tháp Khương Mỹ còn giữ được nguyên trạng, chưa bị bàn tay con người tu sửa, làm biến đổi. "Vẻ đẹp thách thức với thời gian" được hiểu là vẻ đẹp

vượt qua thời gian. Tháp Khương Mỹ được xây dựng từ cuối thế kỉ IX đầu thế kỉ X, tính đến nay đã hơn 1000 năm. Qua những biến thiên lịch sử, sự tàn phá của tự nhiên, tháp vẫn đứng vững và giữ được vẻ đẹp của nó.

5. Đoạn trích cho thấy thái độ trân trọng, yêu quý, thán phục, tự hào của người kể chuyện đối với những di tích văn hoá.
6. Em hãy nhớ lại những chuyến đi của mình với gia đình, người thân, trường lớp và kể về những di tích em đã được chiêm ngưỡng (đình, chùa, thành cổ,...). Em hãy tìm hiểu và kể lại bề dày lịch sử của di tích đó, tả những chi tiết khiến em có ấn tượng sâu sắc.
7. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu là nhân hoá.
8. Dấu ngoặc kép được sử dụng trong đoạn trích để đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt: “nhan sắc”. Từ “nhan sắc” vốn được dùng để chỉ vẻ đẹp của người, ở đây tác giả dùng để chỉ vẻ đẹp của một công trình kiến trúc. Đây là cách nói dí dỏm, khiến cho cảnh vật trở nên gần gũi, thân quen.

Bài tập 4

1. Để nêu đầy đủ các chi tiết miêu tả lòng hang Én, em hãy liệt kê các thông tin về độ rộng của hang, độ cao của trần hang và vẻ đẹp của nó, cửa hang, dòng chảy của con sông ngầm trong hang cùng dòng nước và bờ cát,...
2. Các từ ngữ *thánh đường, giếng trời, khí trời, ánh sáng, bờ sông, cát mịn, bãi tắm* gợi cho người đọc ấn tượng về một khung cảnh tuyệt đẹp, nguyên sơ, tươi mát, tinh khôi, là nơi con người có thể trú ẩn an toàn. Đoạn văn này làm rõ hơn, cụ thể hơn ý “Hang Én giống như cái tổ khổng lồ và an toàn mà Mẹ Thiên Nhiên ban tặng cho con người” ở đoạn văn trước đó, giải thích vì sao hang Én giống “cái tổ” mà du khách gặp được giữa rừng nguyên sinh.
3. Chi tiết về người A-rem đã làm tăng thêm vẻ hoang sơ của hang Én. Dấu vết người xưa từ trong kí ức làm tăng thêm độ sâu thẳm của thời gian và vẻ kì bí của không gian.
4. So sánh *Hang Én* với *Cô Tô* để thấy sự khác biệt trong hứng thú khám phá của hai tác giả: ở *Cô Tô*, tác giả Nguyễn Tuân hứng thú với những cảnh sắc kì thú và trải nghiệm cuộc sống đời thường nơi đảo xa; ở *Hang Én*, tác giả Hà My lại hứng thú với sự hoang sơ và kì bí của thiên nhiên.
5. Công dụng của dấu ngoặc kép trong câu văn là dùng để đánh dấu tên lễ hội.

Bài tập 5

1. Từ *gặp* có thể hiểu là biết đến, nhìn thấy. Người kể chuyện đã “gặp” dòng Cổ Chiên trên bản đồ và trong lần trực tiếp đến thăm.
2. Cuộc sống của người dân Nam Bộ gắn bó với dòng sông từ giao thông, buôn bán đến cư trú, sản xuất,...

3. Trong đoạn trích, tác giả miêu tả sản vật phong phú, dồi dào được chuyên chở trên sông, cảnh tấp nập ngược xuôi buôn bán, cảnh các nhà bè san sát,... Tất cả đều biểu hiện sự trù phú của vùng đất phương Nam.
4. Cảnh sầm uất, nhộn nhịp trên dòng Cổ Chiên và hình ảnh “một đường chỉ màu xanh nhỏ bé” trên bản đồ biểu thị hai cách tiếp cận dòng sông. Trên bản đồ, mỗi dòng sông chỉ được hiển thị bằng những đường chỉ xanh nhỏ bé, nhưng thực tế đó là nơi cho thấy nhịp sống hối hả của con người, mang trong nó những chiều kích lớn lao của văn hoá và lịch sử. Hình ảnh “đường chỉ xanh” gợi nhiều suy tưởng thú vị cho người đọc.
5. Đoạn trích này có nét tương đồng về nội dung với đoạn trích bài thơ *Cửu Long Giang ta ơi* (Nguyễn Hồng). Cả hai đoạn trích đều nói đến kí ức thuở học trò, hình ảnh thầy giáo, tắm bản đồ đất nước và những nhận thức về quê hương xứ sở khi đã trưởng thành.
6. Chắc hẳn em đã từng có những ước mơ được gợi lên từ những bài học trong nhà trường. Hãy ghi lại những suy nghĩ và tưởng tượng của em về ước mơ đó.
Gợi ý: Bài học nào đã từng gây ấn tượng mạnh với em? (có thể tập trung vào một chi tiết em chú ý nhất)
 - Từ bài học đó, em nghĩ đến điều gì?
 - Niềm mơ ước được nhen lên như thế nào?
 - Em hình dung khi lớn lên em sẽ làm gì để thực hiện ước mơ đó?
7. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu là nhân hoá. Tác dụng của nó là làm cho máy móc vô tri như cũng có hồn, biết suy nghĩ và hành động, gắn bó, giúp đỡ con người.

Bài tập 6

1. Trong đoạn trích về Mỹ Sơn, tác giả bộc lộ cảm nhận về một giai điệu đặc biệt.
2. Giai điệu được nói tới trong đoạn trích không giống như các giai điệu thông thường: không chỉ tác động tới thính giác mà còn được cảm nhận từ tâm hồn bởi nó được tạo ra từ những cái thực và cả những điều mơ hồ. Đó có thể là tiếng gió lùa qua các ngọn cổ tháp hoang phế, là “tiếng nói” của những viên gạch Chăm, “tiếng” thì thầm của những ngọn tháp, “tiếng” nguyện cầu trong lòng người.
3. Đáp án A.
4. Qua cách tác giả miêu tả những “giai điệu” mà mình cảm nhận được, người đọc có thể hình dung về Mỹ Sơn: một thung lũng rộng lớn chìm trong mưa bụi, cổ tháp hoang phế, gạch xây tháp màu nâu sậm (gạch nung chín kết hợp sa thạch, có những viên gạch lạnh lặn, có cả những viên gạch đã bị sứt mẻ theo thời gian), vòm cong của tháp, phù điêu thần Ka-la râu tóc mọc đầy địa y,... Nếu có thể, hãy vẽ bức tranh về Mỹ Sơn theo những gì em tưởng tượng sau khi đọc đoạn trích.

5. Trong đoạn trích này, biện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng khá nhiều. Em hãy chú ý các câu sau:

– *Hình như những viên gạch Chàm màu nâu sậm lên tiếng.*

– *Hình như những ngọn tháp đang thì thầm với bầu trời.*

– *Để bây giờ, những viên gạch Chàm nơi đây, dù lạnh lặn hay sút mẻ, đều biết tự hát.*

– *Tôi nghe, âm âm, rì rầm khắp thung lũng Mỹ Sơn tiếng hát của đất và đá, hoà quyện thành một giai điệu, rõ ràng và mơ hồ như chính những ngọn tháp ở đây.*

Biện pháp tu từ nhân hoá trong các câu này có tác dụng khẳng định chính đất đá qua bàn tay sáng tạo của con người đã truyền được những thông điệp về văn hoá và lịch sử, về tâm hồn và sự tài hoa của con người. Khi đến thăm di tích, du khách hiểu được những thông điệp đó cũng chính là đã nghe thấy lời “tâm sự” của những thứ vốn chỉ là vật chất vô tri.

Bài tập 7

1. Tác giả về thăm “miền quê châu thổ Cửu Long” vào mùa cá linh, tầm tháng 10 âm lịch, sau mùa lũ. Miền quê châu thổ sau mùa lũ có rất nhiều cá, đặc biệt là cá linh.
2. Đoạn trích nói tới một món ăn quen thuộc của người dân Đồng bằng sông Cửu Long, đó là món cá linh ăn kèm bông điên điển.
3. Đáp án C.
4. Các trường hợp dùng dấu ngoặc kép:
 - Cá “ken đặc nước”, “cá linh đua”: dẫn lại những cách gọi tên, cách nói khác về loài cá linh (nhấn mạnh số lượng cá linh khi vào mùa).
 - “Về đi, cá linh non, bông điên điển đã có rồi”: dẫn lời của người khác, phân biệt với lời của người kể chuyện trong văn bản.
5. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu là nhân hoá. Tác dụng của nó là làm cho người đọc cảm nhận loài cá cũng giống con người, từ già một nơi cư ngụ để đến với những nơi rộng lớn hơn. Nhờ đó, câu văn trở nên sinh động.

VIẾT

Bài tập 1

Bài tập yêu cầu viết một đoạn văn khoảng 7 – 10 câu. Hãy xác định nội dung và chia tỉ lệ dung lượng các ý để đoạn văn có bố cục hợp lí.

– Giới thiệu cảnh sinh hoạt (là cảnh gì, ở đâu): 1 câu.

– Tả bao quát cảnh sinh hoạt (từ xa trông lại, từ trên nhìn xuống): 1 câu.

– Tả cảnh nền (cảnh thiên nhiên, cách bài trí nơi diễn ra cảnh sinh hoạt): 1 – 2 câu.

- Tả hoạt động cụ thể của con người: 3 – 4 câu.
- Nêu cảm nghĩ của em về cảnh sinh hoạt: 1 – 2 câu.

Lưu ý: Khi tả cảnh sinh hoạt, em chú ý sử dụng các biện pháp tu từ dùng dấu ngoặc kép để đoạn văn thêm hấp dẫn.

Bài tập 2

Tìm đọc các tác phẩm du kí được gợi ý trong SGK hoặc tự tìm trong sách báo, in-tơ-nét và chọn một bài em thích nhất.

Gợi ý:

Trả lời các câu hỏi sau để xác định nội dung của đoạn văn:

- Em thích bài du kí nào? Tác giả là ai?
- Vì sao em thích bài du kí đó?
- Bài du kí viết về vùng đất nào? Em đã đến nơi đó chưa? Nếu chưa, em có ý định đến đó không?
- Cảnh vật, con người ở đó được miêu tả ra sao?
- Cách miêu tả của tác giả có gì hấp dẫn?
- Em thích nhất chi tiết nào?
- Thông điệp gợi ra từ bài du kí là gì?

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

Hãy làm bài tập này theo nhóm. Phân công các thành viên trong nhóm thực hiện các công việc:

- Lập sơ đồ hoặc sa bàn hành trình thám hiểm hang Én.
- Vẽ các hình, tranh minh hoạ từng mốc trên hành trình.
- Lập đề cương thuyết minh hành trình.
- Sáng tạo các trò chơi để tương tác với người nghe (hình thức mật thư, câu đố, đánh lạc hướng, tạo vật cản,...).

Bài tập 2

Có thể chọn một trong những cách sau:

- Trình bày bằng lời (trên cơ sở bài viết đã chuẩn bị).
- Trình bày bằng lời kết hợp các phương tiện khác như trình chiếu, âm thanh, tranh ảnh, vật dụng liên quan.

Lưu ý: Khi trình bày cần nói rõ ràng, có ngữ điệu phù hợp, có phong thái tự tin, vui vẻ, hào hứng.

ĐỌC MỞ RỘNG

Bài tập 1

Khi đọc, em cần nắm được nội dung cơ bản của bài thơ; nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. Em có thể tự đặt những câu hỏi để tìm hiểu nội dung cơ bản; nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. Đặc biệt, em cần lưu ý vận dụng kiến thức đã học về thơ lục bát ở bài 4. *Quê hương yêu dấu* để tìm hiểu bài thơ mà em đọc:

- Bài thơ có mấy khổ?
- Mỗi khổ có mấy dòng?
- Những tiếng nào (gieo) vần với nhau?
- Các đặc điểm về thanh điệu và nhịp của thể thơ lục bát thể hiện như thế nào qua bài thơ em đọc?

Bằng cách đặt câu hỏi và trả lời những câu hỏi đó, em từng bước có kĩ năng đọc thơ lục bát. Nhớ điền đầy đủ thông tin vào nhật kí đọc sách do em tự thiết kế để chuẩn bị thông tin và ý tưởng cho tiết Đọc mở rộng tại lớp khi được yêu cầu cùng các bạn thảo luận, trao đổi về một bài thơ lục bát em yêu thích. Em có thể tham khảo mẫu nhật kí đọc sách ở trang 62.

Bài tập 2

Khi đọc, em cần nắm được nội dung cơ bản của văn bản; nhận biết được người kể chuyện, cách ghi chép và cách kể chuyện trong bài kí.

Khi đọc, em có thể tự đặt những câu hỏi để tìm hiểu nội dung cơ bản và nét độc đáo của bài kí thể hiện qua sự việc được kể và cách kể chuyện, chẳng hạn:

- Sự việc nào được kể trong bài kí này? Ai là người kể?
- Có những chi tiết nào thể hiện nét đặc sắc trong cách kể sự việc và miêu tả cảnh vật, con người mà người viết quan sát được?
- Hình ảnh nào trong bài kí gây ấn tượng nhiều nhất đối với em?

Bằng cách đặt và trả lời những câu hỏi đó, em từng bước có kĩ năng đọc văn bản kí. Lưu ý, kí là một loại tác phẩm văn học chú trọng ghi chép những sự việc xác thực chứ không dựa trên hư cấu như văn bản truyện.

Nhớ điền đầy đủ thông tin vào nhật kí đọc sách do em tự thiết kế. Việc này không chỉ để hoàn thành bài tập mà còn giúp em chuẩn bị thông tin và ý tưởng cho tiết Đọc mở rộng tại lớp khi em được yêu cầu cùng các bạn trao đổi, thảo luận về một tác phẩm kí đã đọc. Em có thể tham khảo mẫu nhật kí đọc sách ở trang 62.

ÔN TẬP HỌC KÌ I

ĐỌC HIỂU VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1

Luyện tập kĩ năng nhận diện đặc điểm của truyện đồng thoại, nhận diện biện pháp tu từ qua bài tập trắc nghiệm sau đọc.

Chọn đáp án đúng: Câu 1. D; Câu 2. B; Câu 3. B; Câu 4. D.

Bài tập 2

Luyện tập kĩ năng phân tích, suy luận, liên hệ, vận dụng vào giải quyết các bài tập tự luận sau đọc.

1. Đối chiếu các đặc điểm của nhân vật trong truyện đồng thoại như trong các văn bản *Bài học đường đời đầu tiên*, *Nếu cậu muốn có một người bạn...*, *Những người bạn đã học ở bài 1. Tôi và các bạn* với nhân vật “tôi” trong câu chuyện để thấy điểm giống nhau giữa các nhân vật này.
2. Câu trả lời mở. Đáp án ở câu hỏi 4 của bài tập 1 có thể cho em một gợi ý.
3. Bài học cuộc sống từ câu chuyện của hạt dẻ gai: câu trả lời mở. Chú ý sự thay đổi của hạt dẻ gai trong đoạn trích, nhất là cảm nghĩ của nhân vật ở phần cuối.

VIẾT

Cả 2 bài tập ở phần Viết có 2 đặc điểm:

– Kết nối với nội dung bài đọc, căn cứ vào nội dung bài đọc để phát triển nội dung bài viết.

– Kết hợp giữa kiểu bài viết kể chuyện sáng tạo và trải nghiệm (cả hai đề bài). Tuy nhiên, mức độ của 2 bài tập có sự khác nhau:

+ Bài tập 1 tập trung vào kiểu bài kể chuyện sáng tạo.

+ Bài tập 2 tập trung vào kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân.

Các bước cần thực hiện:

– Xác định rõ yêu cầu của từng bài tập ở phần Viết.

– Đọc lại đoạn trích và chú ý phần cuối của đoạn trích để liên tưởng, tưởng tượng.

– Tìm ý cho bài viết: Có thể nêu một số câu hỏi phù hợp với yêu cầu của từng bài tập để xây dựng nội dung bài viết (trên cơ sở trả lời những câu hỏi ấy).

Sau đây là một số gợi ý:

+ Bài tập 1:

- Điều gì có thể xảy ra tiếp theo với “tôi” – đứa con bé nhất của mẹ Dẻ Gai khi rời xa tay mẹ?
- “Tôi” mơ thấy những gì khi rơi xuống tấm thảm lá trong rừng già?
- Trong mùa đông, “tôi” cảm thấy thế nào khi nằm trong tấm thảm lá và hé mắt nhìn lên bầu trời hoặc nhìn những cánh tay vạm vỡ của mẹ Dẻ Gai?
- Liệu có điều gì nguy hiểm xảy ra với “tôi” khi nấp trong thảm lá không?
- Làm thế nào mà “tôi” thoát được sự nguy hiểm đó?
- Khi mùa xuân đến, “tôi” thay đổi như thế nào?
- Bao giờ thì “tôi” trở thành một cây dẻ gai cường tráng như ước mong của mẹ?

+ Bài tập 2:

- “Tôi” – đứa con bé nhất của mẹ Dẻ Gai – có những trải nghiệm gì khi ở bên mẹ và khi rời khỏi vòng tay mẹ?
- Em đã từng có những trải nghiệm tương tự với gia đình (bố mẹ, người thân) chưa?
- Câu chuyện của em có gì giống và khác với nhân vật “tôi” trong đoạn trích?
 - Lập dàn ý theo các thao tác đã thực hành từ các bài viết trong học kì I.
 - Viết bài: Chú ý vấn đề ngôi kể và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với ngôi kể khi thực hành viết theo bài tập 1 hoặc bài tập 2.
 - Tự đọc lại bài viết và chỉnh sửa. Đảm bảo sự thống nhất về ngôi kể, các yêu cầu về chính tả, diễn đạt.

NÓI VÀ NGHE

Bài tập 1

Sử dụng bài văn đã làm ở bài tập 1 phần Viết và chuyển thành ngôn ngữ nói, sử dụng điệu bộ, cử chỉ, giọng nói phù hợp để kể câu chuyện.

Bài tập 2

Sử dụng bài văn đã làm ở bài tập 2 phần Viết và chuyển thành ngôn ngữ nói, sử dụng điệu bộ, cử chỉ, giọng nói phù hợp để chia sẻ trải nghiệm của em.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: TRẦN MAI THANH HẰNG – THÂN THUYỀN TRANG

Thiết kế sách: NGUYỄN HỒNG SƠN

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Sửa bản in: TRỊNH ĐÌNH DŨNG

Chế bản: CTCP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

*Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép,
lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng
văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.*

BÀI TẬP NGỮ VĂN 6 - TẬP MỘT

Mã số: G1BH6V001H21

In cuốn (QĐ SLK), khổ 17 x 24cm.

In tại Công ty cổ phần in

Số ĐKXB: 93-2021/CXBIPH/19-31/GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm

Mã số ISBN: Tập 1: 978-604-0-25120-6

Tập 2: 978-604-0-25121-3